

TUẦN 31:**Thứ Hai ngày 20 tháng 04 năm 2026****Hoạt động trải nghiệm:****SINH HOẠT DƯỚI CỜ:****THAM GIA NGÀY HỘI ĐỌC SÁCH****Tiếng Việt:****ĐỌC: VỀ NGÔI NHÀ ĐANG XÂY****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bài thơ “Về ngôi nhà đang xây”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp(khi chậm rãi nhẹ nhàng kể chuyện, khi ngạc nhiên thích thú nhấn giọng từ ngữ tả cảnh đẹp của ngôi nhà đang xây, biết ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.
- Đọc hiểu: Qua hình ảnh ngôi nhà đang xây hứa hẹn những công trình lớn, đồ sộ sắp hoàn thành, nhà thơ muốn diễn tả sự thay da, đổi thịt từng ngày trên đất nước ta; một cuộc sống mới, tươi đẹp hơn, ấm no, hạnh phúc hơn đang đến từ công cuộc kiến thiết, dựng xây đất nước vô cùng sôi nổi trên khắp đất nước. Cảm nhận được những từ ngữ giàu sức gợi tả, những hình ảnh so sánh, nhân hoá,... theo góc nhìn của các bạn nhỏ, bài thơ đã mang đến cho người đọc niềm vui, sự thích thú trước vẻ đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống ngày một tươi đẹp của đất nước, của nhân dân.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho học sinh giới thiệu về Chùa Một Cột – Hà Nội để khởi động bài học. - GV cùng trao đổi với HS về ND bài: + Miêu tả điều em biết về Chùa Một Cột Hà Nội? + Quê em có di tích chùa hay đình nào em biết hãy giới thiệu về nó? + Chia sẻ tranh ảnh về sự phát triển của quê hương?	- HS lắng nghe bài hát. - HS trao đổi về ND bài hát với GV. + Chùa Một Cột là một công trình xây dựng mà em yêu thích. Chùa Một Cột hay còn gọi là Liên Hoa Đài, là một kiến trúc độc đáo có từ thời nhà Lý. Chùa gồm một điện thờ đặt trên một trụ duy nhất. Chùa nằm trong quần thể kiến trúc Chùa Diên Hựu, có nghĩa là ngôi chùa “phúc lành dài lâu”. + Nêu giới thiệu di tích chùa đình quê mình xây dựng mà mình biết. Chia sẻ

- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.	về các tranh ảnh sưu tầm được về sự phát triển của quê hương đất nước. - HS lắng nghe.
2. Khám phá. 2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, giọng nhẹ nhàng chậm rãi khi kể, giọng ngạc nhiên thích thú ,nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm, những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện về sự thay đổi của ngôi nhà. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, Cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của tác giả qua bài thơ. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đếntạm biệt + Đoạn 2: Tiếp theo đến ...vội gách + Đoạn 3: Phần còn lại. - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc nhấn giọng từ khó: <i>che chở, nhú lên, hươ hươ, tựa vào, sẫm biếc, thở ra, rót vào...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc tách nhịp thơ: <i>Chiều đi học về/ Chúng em qua ngôi nhà xây dở/ Giàn giáo tựa cái lồng che chở/ Trụ bê tông nhú lên như một mầm cây/ Bác thợ nề ra về/ còn hươ hươ cái bay:/ Tạm biệt!//</i> - GV HD đọc đúng ngữ điệu: đọc thay đổi ngữ điệu khi đọc từ ngữ hình ảnh thay đổi của ngôi nhà đang xây - GV mời 3 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV nhận xét tuyên dương.	
3. Luyện tập. 3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có) + Hươ hươ : Vung lên ,đưa đi đưa lại	
- Hs lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc tách nhịp thơ. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.	
- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ	

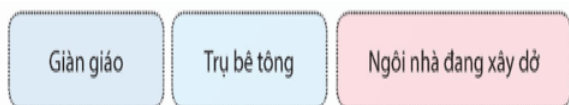
+ *nhú lên*: Mới nhô lên, thò ra...(Mầm cây nhú lên khỏi mặt đất)

3.2. Tìm hiểu bài.

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: **trang 114 sgk Tiếng Việt lớp 5 Tập 2**: Theo cảm nhận của các bạn nhỏ, ngôi nhà đang xây hiện ra như thế nào?



+ Câu 2 **trang 114 sgk Tiếng Việt lớp 5 Tập 2**: Tìm trong bài những hình ảnh so sánh, nhân hoá và cho biết tác dụng của chúng trong việc miêu tả ngôi nhà đang xây.

+ Câu 3: **trang 114 sgk Tiếng Việt lớp 5 Tập 2**: Những chi tiết nào cho thấy cảnh vật thiên nhiên mang đến sự sống động cho ngôi nhà đang xây?

+ Câu 4: Nêu cảm nghĩ của em khi đọc hai dòng thơ “Ngôi nhà như trẻ nhỏ/ Lớn lên với trời xanh...”.

+ Câu 5: **trang 114 sgk Tiếng Việt lớp 5 Tập 2**: Theo em, hình ảnh ngôi nhà đang

- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:

+ Theo cảm nhận của các bạn nhỏ, ngôi nhà đang xây hiện ra:

+ Giàn giáo: giống cái lồng che chở

+ Trụ bê tông: nhú lên như một mầm cây

+ Ngôi nhà đang xây dở: tựa vào nền trời sẫm, thò ra mùi vôi vữa nồng hăng; ngôi nhà giống bài thơ sắp làm xong, bức tranh còn nguyên màu vôi gạch.

+ Trong bài có những hình ảnh so sánh: *giàn giáo như cái lồng; trụ bê tông như một mầm cây, ngôi nhà giống bài thơ sắp làm xong, ngôi nhà như trẻ nhỏ.*

– Trong bài có những hình ảnh nhân hoá: *ngôi nhà thở; bầy chim đi ăn về, rót vào ô cửa; nắng đứng ngủ quên; làn gió mang hương; ngôi nhà lớn lên.*

Tác dụng của những hình ảnh so sánh, nhân hoá: giúp ngôi nhà trở nên gần gũi, thân thiện với trẻ em; trông như những người bạn cùng trẻ em, cùng cảm xúc, cùng suy nghĩ với các bạn nhỏ.

+ Những chi tiết cho thấy cảnh vật thiên nhiên mang đến sự sống động cho ngôi nhà đang xây: nền trời sẫm biếc, nắng ngủ quên trên tường, làn gió ủ những rãnh tường chưa trát vữa, ngôi nhà lớn cùng trời xanh.

+ Khi đọc hai dòng thơ “Ngôi nhà như trẻ nhỏ/ Lớn lên với trời xanh...”, em cảm thấy ngôi nhà không ở yên, không cố định, cứng nhấc mà như còn lớn lên, sẽ cao lên và cao tới tận trời xanh; ngôi nhà cũng có tâm hồn, cũng vui tươi như những đứa trẻ.

+ Theo em, hình ảnh ngôi nhà đang xây nói lên cuộc sống trên đất nước ta đang

xây nói lên điều gì về cuộc sống trên đất nước ta? - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học. Luyện đọc lại bài cá nhân , nối tiếp đọc diễn cảm, - GV nhận xét và chốt: Đất nước ta đang mọc lên nhiều công trình xây dựng đổi mới từng ngày. Hình ảnh ngôi nhà đang xây gợi liên tưởng về một đất nước đang trên đà phát triển ngày một lớn mạnh và giàu đẹp. Những liên tưởng, tưởng tượng này có đúng không? Còn phụ thuộc vào khát vọng, ý thức, trách nhiệm của mỗi công dân, trong đó có chúng ta. Đó cũng là sự tiếp bước. Ông cha làm cho đất nước ngày càng tươi đẹp, lớn mạnh. - Luyện học thuộc lòng bài thơ	ngày càng phát triển. Đất nước ta đang không ngừng xây dựng các đô thị, hệ thống nhà cửa, công xưởng, trung tâm thương mại,... phục vụ cuộc sống hiện đại. Ngay hiện tại vẫn còn rất nhiều những dự án, những dự định đang được ấp ủ và chờ được thực hiện, phát triển hơn cả hiện tại. - 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học Những ngôi nhà đang xây hiện ra thật mộng mơ, dễ thương. Những ngôi nhà được xây nên chính là những hi vọng về sự trở mình, lớn lên của đất nước, quê hương - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học. *Học sinh đọc cá nhân, nối tiếp bàn. Thi đọc thuộc lòng bài thơ. 4,5 Học sinh đọc thuộc lòng bài thơ.
4. Vận dụng trải nghiệm. - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Về ngôi nhà đang xây” - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình. - VD: + Học xong bài đọc, em thấy rất thú vị vì đã giúp em biết thêm vẻ đẹp và sự phát triển thay đổi hàng ngày của quê hương đất nước, biết thêm nhiều sự phát triển của quê hương. + Qua bài đọc giúp em có ý thức giữ gìn và xây dựng quê hương ngày một giàu đẹp,... - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Tiếng Việt:

LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

VIẾT HOA DANH TỪ CHUNG THỂ HIỆN SỰ TÔN TRỌNG ĐẶC BIỆT
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Nhận biết viết hoa danh từ chung thể hiện sự tôn trọng đặc biệt và ứng dụng thực hành bài tập
- Cảm nhận được vẻ đẹp của sự thay đổi phát triển hàng ngày của đất nước qua các từ ngữ của bài tập
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV cho học sinh chơi: “Những người nông dân thực thụ” + Cách chơi: học sinh sẽ trả lời câu hỏi để vượt qua từng trạm thử thách để làm nông dân thực thụ. + Trạm một :chăm sóc vườn cây. Câu hỏi :danh từ riêng nào cần viết hoa trong câu dưới đây? Anh Kim Đồng rất thông minh, dũng cảm. + Trạm 2 :chăm sóc vật nuôi. Câu hỏi: từ nào viết hoa chưa đúng trong câu sau? Lan và hoa là hai chị em sinh đôi. - GV cùng trao đổi với hs nhận xét tổng kết trò chơi - GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS cùng trao đổi với gv về nội dung trò chơi : + Câu 1: kim đồng vì đó là danh từ riêng chỉ tên người. + Câu 2: chị em vì đó là danh từ chung - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - GV cho học sinh đọc cá nhân , thảo luận nhóm điền phiếu nhóm, trả lời câu hỏi để rút ra ghi nhớ:	+Học sinh nối tiếp đọc đoạn văn

PHIẾU HỌC TẬP			
Bài tập 1. Đọc các đoạn thơ trong bài tập 1 (SGK Tiếng Việt 5, tập hai, trang 132) và điền vào bảng.			
Đoạn	Từ in đậm	Điểm giống nhau về cách viết của những từ in đậm	Các từ đó có phải danh từ riêng không?
a			
b			
Bài tập 2. Nêu tác dụng của cách viết các từ in đậm ở bài tập 1.			

Câu 1: **trang 114 sgk Tiếng Việt lớp 5 Tập 2:** Nêu điểm giống nhau về cách viết những từ in đậm trong các đoạn thơ dưới đây. Các từ đó có phải danh từ riêng không?

. Con ở miền Nam ra thăm lăng **Bác**
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.
(Viễn Phương)



b. Giọt giọt mồ hôi rơi
Trên má anh vàng nghệ
Anh **Vệ quốc quân** ơi
Sao mà yêu anh thế!
(Tố Hữu)

- GV nhận xét chốt đáp án, tuyên dương nhóm thực hiện tốt.

+ Học sinh trao đổi nhóm trả lời câu hỏi .

+ Đại diện nhóm Nói tiếp trả lời, lớp ghi vở

Đáp án:

Những từ in đậm trong các đoạn thơ dưới đây đều được viết hoa. Các từ đó là danh từ riêng, trong đó: Bác là chỉ chủ tịch Hồ Chí Minh; Vệ quốc quân là chỉ những người chiến sĩ tham gia đoàn quân đi giải phóng.

Đoạn	Từ in đậm	Điểm giống nhau về cách viết của những từ in đậm	Các từ đó có phải danh từ riêng không?
a	Bác	Những từ in đậm trong các đoạn thơ đều được viết hoa.	Không phải là các danh từ riêng
b	Vệ quốc quân		

+ Cách viết các từ in đậm ở bài tập 1 có tác dụng: cho người đọc thấy sự tôn trọng đối với người được nhắc đến.

-HS Nói tiếp đọc ghi nhớ, lắng nghe sửa bài.

-1 -2 học sinh nhắc lại khái niệm danh từ riêng

- HS nêu thêm vài ví dụ minh họa: danh từ chung dùng với ý nghĩa đặc biệt trong ví dụ:

Câu 2: trang 115 sgk tiếng việt lớp 5 tập 2: cách viết các từ in đậm ở bài tập 1 có tác dụng gì?

Ghi nhớ: một số danh từ chung có thể được viết hoa để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt đối với đối tượng được nói đến.

- GV củng cố phân biệt danh từ riêng và danh từ chung.

- GV yêu cầu hs nêu ví dụ minh họa khác sâu ghi nhớ

**Người là Cha, là Bác, là Anh
Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ
(Tổ Hữu)**

Người, Cha, Bác, Anh chỉ Bác Hồ kính yêu

3. Luyện tập.

Câu 3 trang 115 sgk Tiếng Việt lớp 5 Tập 2: Tìm danh từ chung được viết hoa trong những câu thơ, câu văn và cho biết tác dụng của việc viết hoa đó.

PHIẾU HỌC TẬP

Bài tập 3: Đọc các câu thơ, câu văn trong bài tập 3 (SGK Tiếng Việt 5, tập hai, trang 132) và điền vào bảng.

Câu	Danh từ chung được viết hoa	Tác dụng của việc viết hoa các danh từ chung
a		
b		
c		

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:

- GV mời cả lớp làm việc cá nhân vào phiếu rồi chia sẻ theo nhóm 2

- GV mời các nhóm trình bày.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.

Câu 4 trang 115 sgk Tiếng Việt lớp 5 Tập 2: Viết 2 – 3 câu trong đó có danh từ chung được viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt.

- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân

- GV cho học sinh nối tiếp đọc nhận xét chữa bổ sung

- 1 HS đọc yêu cầu bài . Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- Cả lớp làm việc cá nhân ,nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.

- Các nhóm trình bày

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Danh từ chung được viết hoa trong câu thơ: *Đất Nước* – tác dụng: dành sự tôn trọng với quốc gia mình, coi quốc gia là thiêng liêng và duy nhất.

– Danh từ chung được viết hoa trong câu thơ: *Người – Hồ Chí Minh* – tác dụng: tên riêng của người, tên của Bác Hồ.

– Danh từ chung được viết hoa trong câu văn: *Mẹ Thiên Nhiên* – tác dụng: tôn trọng và cung kính trước sức mạnh của thiên nhiên, mong được thiên nhiên che chở và thuận lợi phát triển sản xuất.

- 1 HS đọc yêu cầu của bài tập. Cả lớp lắng nghe.

- HS thực hiện vào vở cá nhân.

- Nối tiếp đọc bài, lớp nhận xét bổ sung

Việt Nam ta là một trong các nước phát triển, tích cực hội nhập, là thành viên của rất nhiều tổ chức khu vực và toàn thế giới. Một số tổ chức tiêu biểu mà Việt Nam có vị thế, uy tín cao như:

- GV cùng cả lớp nhận xét, tuyên dương các bạn có bài viết tốt. - GV chốt: Ngoài những từ chỉ lãnh tụ, tổ quốc, đất nước có những danh từ chung vốn được viết thường như tất cả những danh từ chung khác. Nhưng đôi khi. Vẫn được viết hoa, chẳng hạn danh từ chỉ quan hệ trong gia đình ông bà, bố mẹ, danh từ chỉ thầy cô giáo để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt, những trường hợp viết hoa này được coi là viết hoa “tu từ” vì vậy không nên lạm dụng, chỉ viết hoa khi thực sự muốn nhấn mạnh ý nghĩa, tôn trọng đặc biệt.	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN); Liên Hợp Quốc (UN); Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO); Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC);... “Trong lòng mỗi chúng ta, luôn có một tình yêu sâu sắc dành cho <i>Quê Hương</i>, nơi gắn liền với những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ.” - “Trong mỗi trái tim người lính, luôn cháy bỏng một tình yêu dành cho <i>Tổ Quốc</i>, nơi họ đã hiến dâng tất cả vì sự bình yên và tự do.” - Lắng nghe rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Giảo cứu heo con”. + GV chuẩn bị một số câu hỏi trong đó có danh từ chung viết hoa với ý nghĩa đặc biệt để lẫn lộn trong hộp. + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu) + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm câu trả lời có trong hộp đưa lên dán trên bảng. Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc. Câu 1: Danh từ trung được viết hoa để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt trong những dòng thơ sau là : Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn, Xin nguyện cùng Người vươn tới mãi Vững như muôn ngọn dải Trường Sơn (Tổ Hữu) A Bác B Trường Sơn C Bác. Người. Câu 2: Lê -nin đi vắng Nhưng trong vườn sên đầy nắng Chiếc ghế sơn xanh còn ấm hơi Người (Tổ Hữu) Từ Người trong câu thơ trên được viết hoa để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt đối với ai A Bác Hồ B Lê -nin C Cả 2 phương án trên.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. Câu 1 đáp án C Câu 2 đáp án B

- GV tổng kết trò chơi Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,...) - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM THU THẬP, PHÂN TÍCH, BIỂU DIỄN CÁC SỐ LIỆU THỐNG KÊ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Thực hành thu thập, phân tích, biểu diễn các số liệu thống kê.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; mô hình hóa toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo giao tiếp và hợp tác;...
 - Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên		Hoạt động của học sinh					
1. Khởi động:							
- GV tổ chức trò chơi “Oẳn tù tì” để khởi động bài học. + Hãy nêu tỉ số lần thắng và số lần chơi của mình? - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới		- HS tham gia trò chơi theo nhóm đôi; chơi 5 lần. + HS trả lời - HS lắng nghe.					
2. Thực hành:							
Bài 1.							
- GV gọi HS đọc yêu cầu - GV nêu các bước thực hiện: + Bước 1: Chia lớp thành các nhóm mỗi nhóm 5 học sinh và thời gian là 5 phút để các nhóm khảo sát và nhận câu trả lời. + Bước 2: Mỗi nhóm nhỏ tổng hợp kết quả của nhóm. 1 HS tổng hợp kết quả chung của lớp:		- 1 HS đọc yêu cầu, cả lớp theo dõi. - Lắng nghe và thực hiện - 1 HS tổng hợp					
		Yếu tố	Khuôn viên trường học	Bạn bè	Thầy cô	Thư viện của	Khác

				trườn g	
	Số bạn chọn	9	4	11	5

+ Bước 3: Trả lời yêu cầu gợi ý trong sgk.

- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.

- GV nhận xét tuyên dương

Bài 2.

- GV gọi HS đọc yêu cầu

a)

- GV chia lớp thành 3 nhóm để tiến hành phân loại theo bảng.

b)

- Sau khi tổng hợp xong GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi:

+ Có bao nhiêu bạn cảm thấy rất hài lòng với ngôi trường hiện tại?

+ Số điểm nào xuất hiện nhiều nhất?

+ Số điểm trung bình về mức độ hài lòng với trường học

- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.

- Gọi các nhóm nhận xét

- GV Nhận xét, tuyên dương.

+ Các bạn cảm thấy nhớ nhất ở trường tiểu học là Thầy cô (có 11 bạn chọn)

- Các nhóm báo cáo kết quả.

- Lắng nghe

- 1 HS đọc yêu cầu, cả lớp theo dõi.

a)

- Các nhóm thảo luận và tổng hợp kết quả.

Ví dụ:

Số điểm	1	2	3	4	5
Số bạn	0	1	2	5	4

- HS thảo luận nhóm đôi

+ Có 4 bạn cảm thấy rất hài lòng

+ Điểm 4 xuất hiện nhiều nhất

+ Số điểm trung bình về mức độ hài lòng với trường học của các bạn trong nhóm là:
(1 x 0 + 2 x 1 + 3 x 2 + 4 x 5 + 5 x 4) : 12 = 48: 12 = 4 (điểm)

- Các nhóm báo cáo kết quả

- Các nhóm khác nhận xét

- Lắng nghe

3. Vận dụng trải nghiệm.

- GV yêu cầu HS về nhà thu thập số liệu của các thành viên trong gia đình về các thông tin sau: chiều cao hoặc cân nặng rồi lựa chọn cách biểu diễn số liệu thống kê đó.

- Nhận xét tiết học

- HS lắng nghe rồi về nhà thực hiện

- HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Khoa học:

CHỨC NĂNG CỦA MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI SINH VẬT (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Trình bày được các chức năng cơ bản của môi trường đối với sinh vật nói chung và con người nói riêng:
- Cung cấp chỗ ở thức ăn và những nhu cầu sống thiết yếu khác.
- Nơi chứa đựng các chất thải do con người và sinh hoạt tạo ra trong quá trình sống.
- Bảo vệ con người và sinh vật khỏi những tác động từ bên ngoài.

* Góp phần hình thành và phát triển:

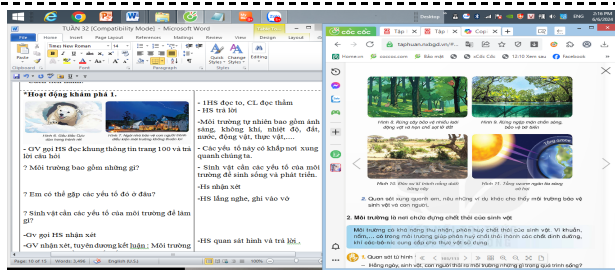
- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: -GV cho HS chơi trò chơi: “ Giúp chim xây tổ” -Cách chơi: GV đưa ra các câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng sẽ giúp cho chú chim có thêm vật liệu để hoàn thiện tổ của mình. ? Kể tên các yếu tố của môi trường tự nhiên? ? Nêu ví dụ cho thấy môi trường cung cấp thức ăn, chỗ ở cho con người và sinh vật? ? Tầng khí quyển bảo vệ con người khỏi tia cực tím có tên là gì? -GV nhận xét, tuyên dương, khen ngợi. -Gv giới thiệu bài : ? Vì sao những chú chim cần xây tổ? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Một trong những nhu cầu quan trọng của tất cả các loài sinh vật cũng như con người đó cần được bảo vệ và tiết học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về vai trò bảo vệ sự vật của một trường.	- HS lắng nghe cách chơi - HS chơi -Môi trường tự nhiên gồm có -Con người lấy từ môi trường gạch đá, cát sỏi, gỗ,... để làm nhà. Chim làm tổ trên cây -Tầng ozone -Vì những chú chim cần xây tổ để làm nơi ăn , ngủ, đẻ trứng,nuôi con,... -HS lắng nghe
2. Hoạt động khám phá: -GV yêu cầu HS quan sát từ hình 6 đến hình 11	-HS quan sát



-GV chia lớp thành 6 nhóm thảo luận và sử dụng kỹ thuật mảnh ghép

-GV giao nhiệm vụ cho các nhóm

Vòng 1: Nhóm chuyên gia:

+ Bước 1: Mỗi nhóm quan sát 1 hình vẽ từ hình 6 đến hình 11)

+ Bước 2: Cho biết môi trường đã bảo vệ sinh vật, con người tránh khỏi các tác động từ bên ngoài như thế nào?

Vòng 2: các chuyên gia về chia sẻ trong nhóm Mảnh ghép.

-GV đưa sơ đồ di chuyển hết thời gian của vòng 1.

-Gv đi quan sát, giúp đỡ các nhóm có thể đưa ra câu hỏi gợi ý cho từng nhóm chuyên gia:

+Nếu không có hang gấu Bắc Cực sẽ ra sao khi mùa đông ở đó lạnh đến nỗi mọi thứ đều đóng băng?

+Con người có thể gặp phải những nguy hiểm nếu không có một ngôi nhà để ở?

+ Rừng cây đã bảo vệ cho các loài động vật như thế nào?

+Thời tiết ở châu Phi như thế nào?

-GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả.

-GV nhận xét

-GV đưa câu hỏi mở rộng:

? Vì sao rừng cây có thể giữ được nước mưa, giảm xói mòn đất?

? Kể thêm, những lợi ích của rừng đối với sinh vật và con người?

? Em hãy nêu vai trò của rừng?

-HS lắng nghe nhiệm vụ .

+ Vòng 1: 6 nhóm chuyên gia, mỗi nhóm quan sát 1 tranh rồi đưa ra kết luận:

Hình 6: Cái hang giúp gấu Bắc Cực tránh được giá rét suốt mùa đông. Hình 7: Ngôi nhà bảo vệ con người khỏi nắng, mưa, gió bão tránh giá lạnh, thú dữ, sét đánh

Hình 8: Rừng cây, bảo vệ nhiều loài động vật cung cấp thức ăn, nơi ở tránh nóng, rét cho động vật. Rừng cây giữ được ngầm, hạn chế sạt lở đất,...

Hình 9: Rừng ngập mặn, chắn sóng, bảo vệ khu vực bờ biển, hạn chế sự xâm nhập của nước mặn là nơi sinh sống của nhiều loài chim, các loài sinh vật nước lợ,...

Hình 10: Bóng cây che nắng cho đàn sư tử trước cái nóng dữ dội của châu Phi.

Hình 11: tầng ozone ngăn cản tia cực tím rơi xuống Trái Đất làm hại con người và các sinh vật khác.

-Vòng 2, các chuyên gia chia sẻ trong nhóm chung ghi kết quả vào bảng nhóm.

- Đại diện một nhóm báo cáo trước lớp

-Nước mưa bị cây rừng giữ lại, thấm xuống đất nên nước được giữ lại, giảm nước chảy.

-HS kể

- đại diện 2 đến 3 bạn trình bày

-Nhận xét, bổ sung

-GV kết luận: Rừng có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự sống của loài động vật và con người: + Cung cấp thức ăn, nơi ở, cho nhiều loài động vật, thực vật. + Bảo vệ đất, hạn chế xói mòn. +Giữ nước, cung cấp cho sinh vật. + Cung cấp tài nguyên khác cho con người gỗ, dược liệu, thức ăn	-HS lắng nghe , ghi vở
3. Hoạt động luyện tập. - GV tổ chức cho HS hoạt động tích hợp STEM: - GV chia lớp thành 4 nhóm, chuẩn bị các vật liệu tái chế và sử dụng các vật liệu tái chế hoặc bút màu giấy màu để thực hiện làm hoặc vẽ tranh về nhà, tổ, hang... của con người và các loài sinh vật em thích. - GV cho Hs trưng bày sản phẩm -GV tổ chức cho HS chia sẻ về sản phẩm của nhóm mình -GV nhận xét, khen ngợi	-HS chia thành , làm Tổ 1: Làm(vẽ) nhà tránh lũ Tổ 2: Làm(vẽ) nhà tránh thú dữ Tổ 3: Làm(vẽ) tổ cho chim Tổ 4: Tổ 1: Làm(vẽ) hang thỏ -HS làm trưng bày -HS chia sẻ
4. Vận dụng trải nghiệm. - GV yêu cầu HS sưu tầm tư liệu về những chất thải của sinh vật và con người , ô nhiễm môi trường - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- HS tìm - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm:

CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUANH TA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS tham gia đưa tin về thực trạng môi trường tại địa phương thông qua Bảng tin Môi trường và kênh ra-đi ô Môi trường của lớp.
- Tự nguyện tham gia và vận động được người thân cùng tham gia lao động công ích.
- Rèn luyện và phát triển kỹ năng nghe – nói góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ HỌC LIỆU.

- GV chuẩn bị:

+Không gian cho Bảng tin.

+Một số thiết bị phục vụ cho kênh Ra đi ô.

- HS:

+Chuẩn bị gắn bài của nhóm mình lên Bảng tin môi trường của lớp.

+ Chuẩn bị bài viết hoặc thu âm, video để đọc, phát trên kênh Ra-đi-ô Môi trường của lớp..

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV			Hoạt động của HS		
1. Khởi động.					
- GV tổ chức đồng diễn bài : KUN bảo vệ môi trường. - Khen gọi bài trình diễn. - Trong bài hát bạn Kun đã làm những gì để bảo vệ môi trường? - Ngoài những việc Kun làm, các em đã làm được những việc gì để bảo vệ môi trường? - GV Kết luận: <i>Để môi trường luôn sạch đẹp, cần sự chung tay của tất cả mọi người. Hôm nay chúng ta cùng nhau lên kế hoạch chung tay bảo vệ môi trường nơi mình sinh sống.</i>			- Hs vừa hát và nhảy theo nhạc - HS lắng nghe và trả lời: + Không xả rác, không dùng túi nilong.. + Không ngắt hoa, không bẻ cành.. - Hs trả lời: + Học cách phân loại vứt rác đúng nơi. Thu gom pin hỏng hết hạn sử dụng .Tiết kiệm điện và giấy ,hạn chế sử dụng đồ nhựa.... - HS lắng nghe.		
2. Hoạt động khám phá – Trải nghiệm chủ đề.					
Hoạt động 1: Tìm hiểu thực trạng môi trường nơi mình sinh sống. * Tìm hiểu qua kênh thông tin Bảng tin môi trường của lớp. - GV mời từng nhóm HS dán kết quả của nhóm mình đã chuẩn bị theo gợi ý:			- Các nhóm lần lượt dán kết quả của nhóm mình.		
Khảo sát môi trường nơi em sống			Khảo sát môi trường nơi em sống		
Nguồn nước	Không khí	Khu vực rác	Cây xanh	Âm thanh	
			Nước hồ , kênh, ...có màu xanh đen,	Khói thải từ phương tiện, bụi	Nhiều rác vung vãi ngoài thùng , bốc
				Cây xanh ít. Cần có nhiều cây	Tình trạng karaoke tự phát của các hộ

	<table><tr><td>mùi hôi thối ...</td><td>đườn g gây ngọt ngạt ...</td><td>mùi hôi thối. Các loại rác đễ lẫn lộn...</td><td>hai bên đườn g dân sinh hơn ...</td><td>gia đình ngày một nhiều, âm lượng lớn , hay hát khuya ...</td></tr></table> - Hs tham gia đọc bảng tin và ghi lại thực trạng ô nhiễm môi trường chưa xảy ra ở nơi mình sinh sống. nhưng đã xảy ra ở nơi bạn sinh sống.	mùi hôi thối ...	đườn g gây ngọt ngạt ...	mùi hôi thối. Các loại rác đễ lẫn lộn...	hai bên đườn g dân sinh hơn ...	gia đình ngày một nhiều, âm lượng lớn , hay hát khuya ...
mùi hôi thối ...	đườn g gây ngọt ngạt ...	mùi hôi thối. Các loại rác đễ lẫn lộn...	hai bên đườn g dân sinh hơn ...	gia đình ngày một nhiều, âm lượng lớn , hay hát khuya ...		
* Tìm hiểu qua kênh thông tin Ra-đi-o, video ... - GV tổ chức cho HS nghe và xem bài thu âm và video các nhóm đã chuẩn bị. - Yêu cầu các nhóm kết luận thực trạng vệ sinh môi trường nơi mình sống: - GV nhận xét và kết luận: Qua những gì vừa xem và vừa được nghe, chúng ta thấy rằng tình trạng ô nhiễm môi trường đang diễn ra ở nhiều nơi. Để môi trường quanh ta luôn xanh sạch đẹp, mỗi người đều cần tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường Một hoạt	- HS nghe và xem - Đại diện nhóm trình bày: Các nhóm có thể nêu: 1. Ô nhiễm không khí: Khu dân cư thường chịu tác động của ô nhiễm không khí từ giao thông, công nghiệp và hoạt động hàng ngày. Khói bụi, khí thải từ phương tiện giao thông và nhà máy có thể gây hại cho sức khỏe của người dân. 2. Ô nhiễm nước: Các nguồn nước trong khu dân cư, như sông, hồ, và giếng khoan, thường bị ô nhiễm bởi chất thải từ hộ gia đình, công nghiệp và nông nghiệp. Điều này ảnh hưởng đến việc sử dụng nước và độ an toàn của nó. 3. Quản lý rác thải: Vấn đề quản lý rác thải là một thách thức. Nếu không có hệ thống quản lý rác hiệu quả, rác thải có thể gây ô nhiễm môi trường và gây hại cho sức khỏe. 4. Xanh hóa và không gian xanh: Khu dân cư cần có không gian xanh, cây cối và công viên để cải thiện chất lượng môi trường và tạo ra môi trường sống tốt cho cư dân. 5. Âm thanh: Tình trạng karaoke oke tự phát của các hộ gia đình ngày một nhiều, âm lượng lớn , hay hát khuya... ảnh hưởng đến					

<i>cần lưu ý điều gì thì chúng ta chuyển sang hoạt động tiếp theo.</i>	
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- Đề vận động người thân và hàng xóm cùng thực hiện kế hoạch em đã lập em cần phải làm như thế nào? - Nhận xét và gợi ý các bước vận động người thân và hàng xóm tham gia lao động công ích: + <i>Trình bày thực trạng môi trường , hậu quả bị ô nhiễm.</i> + <i>Những lợi ích khi thực hiện hoạt động lao động công ích bảo vệ môi trường.</i> + <i>Trao đổi kế hoạch buổi lao động. Thống nhất kế hoạch và thực hiện kế hoạch.</i> + <i>Lưu ý ngữ điệu khi vận động vui vẻ, hoà nhã. Trong hoạt động bản thân luôn là người chủ động, tích cực tham gia .</i> - YC HS về nhà trình bày kế hoạch tham gia lao động công ích của mình cho người thân và hàng xóm để thuyết phục họ cùng tham gia. - Chuẩn bị các tấm bìa hình chiếc lá để ghi những việc đã làm để bảo vệ môi trường cho tiết học sau. - Nhận xét, dẫn dò.	- HS trả lời như: + Nói về thực trạng ô nhiễm môi trường, tác hại của ô nhiễm, + Nêu kế hoạch và thực hiện kế hoạch +..... - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

ĐỘNG TÁC HAI BƯỚC NÉM RỔ BẰNG MỘT TAY TRÊN VAI. (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Thực hiện được động tác hai bước ném rổ bằng một tay trên vai trong môn Bóng rổ.

- Bước đầu vận dụng được động tác hai bước ném rổ bằng một tay trên vai vào trong các hoạt động tập thể, tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu.

- Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.

- Hoàn thành lượng vận động của bài tập.

- Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện, tự giác, dũng cảm, thường xuyên tập luyện TDTT.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: Tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; chăm sóc SK; vận động cơ bản thể dục thể thao;...

- Phẩm chất: Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

+ Đối với giáo viên: Kẻ vẽ sân tập theo nội dung của bài học. Còi, cờ, tranh ảnh, băng đĩa hình, dụng cụ luyện tập.

+ Đối với học sinh chuẩn bị: Giày thể thao, trang phục thể thao, đảm bảo vệ sinh và an toàn trong tập luyện.

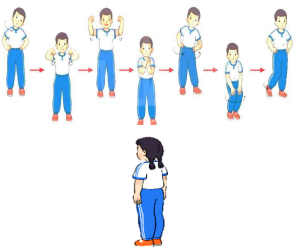
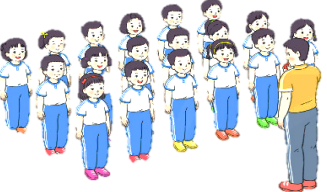
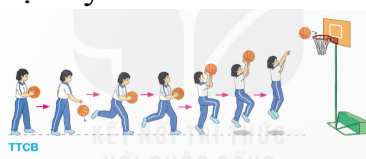
III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

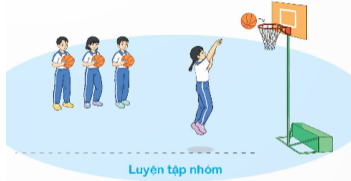
- Phương pháp dạy học chính: sử dụng lời nói, trực quan (tranh, ảnh, làm mẫu), tập luyện, trò chơi và thi đấu.

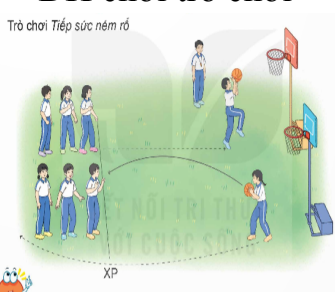
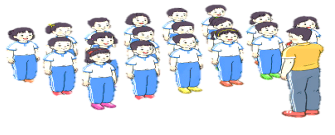
- Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt (tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp, tổ chức và yêu cầu	
		Hoạt động GV	Hoạt động HS
I. Hoạt động mở đầu	5-7'		
1. Nhận lớp: - Kiểm tra vệ sinh sân tập, trang phục tập luyện, sức khỏe của HS - Phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học		Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học	Đội hình nhận lớp  - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. - Hs lắng nghe, nắm nội dung bài học

2. Khởi động: - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... (theo nhạc) - Tập bài TDPTC với gậy (Theo nhạc)	2Lx8 N 2Lx8 N	- GV quan sát, nhắc học sinh tập đúng biên độ, nhịp hô.	Đội hình khởi động  - HS khởi động theo sự điều khiển của cán sự.
3. Trò chơi bổ trợ khởi động: - Trò chơi “Làm theo hiệu lệnh” (Theo nhạc) - Kiểm tra bài cũ	2-3 lần	- GV nêu tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, sau đó GV tổ chức cho cả lớp chơi. - Gọi 1-2 em học sinh lên thực hiện - GV cùng HS quan sát và nhận xét, đánh giá.	Đội hình trò chơi  - HS chú ý nắm luật chơi, tích cực, chủ động tham gia trò chơi - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
II. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	5-7’		
1. Khám phá 2. Hình thành động tác mới: * Hai bước ném rổ bằng một tay trên vai:  -TTCB: Đứng chân trái (phải) trước, chân phải (trái) sau, hai tay cầm bóng trước bụng. - Động tác: Chuyển bóng qua tay phải (trái) và đập bóng xuống sân, đồng thời hai chân đập mạnh đưa người ra trước – lên cao, hai tay bắt bóng thu về trước		- GV giới thiệu tên động tác. - GV làm mẫu động tác và phân tích kỹ thuật động tác. - Cho HS xem tranh, ảnh, video ... nhấn mạnh ý chính của động tác. - GV nêu những lỗi sai thường mắc và cách khắc phục cho HS khi thực hiện động tác. -GV gọi 1-2 HS lên tập, GV cùng HS quan sát, nhận xét, rút kinh nghiệm	Đội hình HS quan sát tranh, tập mẫu  - HS quan sát tranh, HS hoặc nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi. - Hs quan sát mẫu và ghi nhớ cách thực hiện. - Nêu các câu hỏi thắc mắc nếu có. -1 -2 HS lên thực hiện động tác. - GV cùng HS nhận xét, đánh

bụng và rơi xuống sân bằng chân phải (trái). Chân trái (phải) bước tiếp một bước ngắn thực hiện động tác giậm nhảy, đùi chân phải (trái) nâng lên cao – ra trước, kết hợp hai tay đưa bóng lên trên vai. Khi người ở điểm cao nhất thì duỗi căng tay ném bóng vào rổ. Kết thúc động tác, hạ đùi phải (trái) và rơi xuống sân bằng hai chân cùng lúc.			giáo viên tuyên dương - HS lắng nghe
3. Trải nghiệm các động tác của bài tập		- GV gọi 3-5 HS thực hiện bài tập 1-2 lần - GV điều khiển cho HS tập	Luyện tập  Luyện tập cá nhân - HS chú ý, tích cực tập luyện để nắm kỹ thuật động tác
III. Hoạt động luyện tập:	15-16'		
1. Tập theo tổ nhóm	3-4 lần	- GV giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, phân luyện tập theo khu vực. - Quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS	ĐH tập luyện theo tổ  Luyện tập nhóm - HS thực hiện theo điều khiển của tổ trưởng. HS quan sát và nhận xét lẫn nhau, giúp đỡ bạn tập chưa tốt.
2. Thi đua giữa các tổ		- GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. - GV nhận xét đánh giá tuyên dương.	- Từng tổ lên thi đua trình diễn - HS nhận xét tổ bạn.

3. Trò chơi vận động: * Trò chơi: “Tiếp sức ném rổ”	1-2 lần	- GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, luật chơi. - Tổ chức cho HS chơi thử sau đó chơi chính thức, có thi đua. <i>Chú ý: GV nhắc HS đảm bảo an toàn trong khi chơi.</i>	ĐH chơi trò chơi Trò chơi Tiếp sức ném rổ  - Hs chơi theo hướng dẫn của Gv - HS tích cực tham gia chơi trò chơi vận động.
IV. Hoạt động vận dụng	4-5’		
1. Hồi tĩnh: - Thả lỏng cơ toàn thân (Theo nhạc). 2. Vận dụng:		- GV điều hành lớp thả lỏng cơ toàn thân - GV nêu câu hỏi vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống	Đội hình hồi tĩnh  - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên - HS trả lời câu hỏi vận dụng vào thực tế đời sống Vận dụng: Qua bài học, HS vận dụng bài tập thể dục vào buổi sáng, để rèn luyện sức khỏe, và chơi trò chơi cùng các bạn trong giờ ra chơi.
3. Nhận xét và hướng dẫn tự tập luyện ở nhà: - Ưu điểm; Hạn chế cần khắc phục - Hướng dẫn tập luyện ở nhà		- GV nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS, đồng thời đưa ra hướng khắc phục hoặc trả lời câu hỏi của HS. - HD học sinh tập ở nhà.	- HS lắng nghe để khắc phục Đội hình kết thúc 
4. Xuống lớp			- HS đi theo hàng về lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Thứ Ba ngày 21 tháng 04 năm 2026

Tiếng Việt:

VIẾT: LUYỆN TẬP LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

Đề bài: Viết bài văn tả một cảnh đẹp thiên nhiên nơi em ở.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Lập được dàn ý bài văn tả phong cảnh theo hướng dẫn.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
 - Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho học sinh chia sẻ những cách quan sát và miêu tả đặc biệt về phong cảnh thiên nhiên để khởi động bài học. + GV cùng trao đổi với HS về cách quan sát và miêu tả cảnh thiên nhiên - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- HS xem video - HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài + Sử dụng các giác quan..., liên tưởng để nhằm so sánh, nhân hoá sự vật định tả - HS lắng nghe.
2. Luyện tập.	
Bài 1: trang 116 sgk Tiếng Việt lớp 5 Tập 2: Chuẩn bị. – Lựa chọn cảnh đẹp thiên nhiên (cảnh đẹp gần nhà em hoặc cảnh đẹp ở địa phương em). – Xác định trình tự miêu tả (theo không gian, thời gian hoặc kết hợp cả hai cách). <i>Lưu ý:</i> Cảnh đẹp thiên nhiên nơi em ở là cảnh thiên nhiên mà em đã được ngắm nhìn mỗi ngày, qua mỗi mùa, mỗi tháng năm. Em có thể tả sự thay đổi của cảnh thiên nhiên đó theo trình tự thời gian, gắn với những kỉ niệm của bản thân.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS đọc bài làm cá nhân Em lựa chọn cảnh đẹp thiên nhiên ở địa phương em là cảnh..., xác định trình tự miêu tả và ghi chép lại một số thông tin về cảnh đẹp em nhớ hoặc quan sát trực tiếp được - HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc chia sẻ cảnh đẹp mình chọn và ghi chép đc.

- Quan sát trực tiếp cảnh đẹp thiên nhiên em muốn tả hoặc nhớ lại cảnh đẹp thiên nhiên đã quan sát, ghi chép kết quả quan sát
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời học sinh chia sẻ phần mình đã chuẩn bị
- GV mời HS làm việc cá nhân, theo nhóm, đọc phần chuẩn bị của mình
- GV mời các nhóm trình bày kết quả.
- Mời cả lớp nhận xét nhận xét.
- GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết:

Qua bài tập 1 các em đã. Chọn quan sát và ghi chép được đặc điểm nổi bật của cảnh mình định tả, chúng ta bước vào bài 2 lập dàn ý

Bài 2: trang 47 sgk Tiếng Việt lớp 5
Tập 2: Lập dàn ý theo gợi ý sau:

Mở bài

Giới thiệu cảnh đẹp thiên nhiên nơi em ở theo cách mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp.

Thân bài

Nêu nội dung miêu tả dựa trên kết quả quan sát, cảm nhận cảnh vật bằng nhiều giác quan:

- Tả bao quát toàn cảnh.
- Tả chi tiết cảnh đẹp thiên nhiên (theo trình tự đã lựa chọn).

Kết bài

Nêu cảm nghĩ về cảnh đẹp thiên nhiên hoặc những mong ước của em theo cách kết bài mở rộng hoặc không mở rộng.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2
- GV mời cả lớp làm cá nhân, làm việc chung.
- GV mời HS trả lời.
- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt dựa theo ý bài viết của học sinh

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.
- Cả lớp nhận xét nhận xét.

- HS lắng nghe.

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.

- Một số HS trả lời:

Mở bài: Quê hương em rất đẹp, nhất là vào những buổi bình minh ngày hè. Em thấy, công viên của quê em là đẹp nhất. Em thích ra hồ vào buổi sáng ngắm nhìn mặt trời mọc, đắm chìm trong vẻ đẹp của công viên, của hồ nước.

Thân bài:

Công viên quê hương em là một tổng thể thiên nhiên hài hoà, có một cái hồ rộng trong xanh ở giữa, có những con đường, vườn cây và dải đất bao quanh.

a. Tả hồ:

+ Em thường theo mẹ ra hồ từ sớm để tập thể dục và để được ngắm nhìn cảnh hồ buổi sớm bình minh trong lành. Khi mặt trời vén bức màn mây và những cô cậu bé năng tinh nghịch xuống đánh thức vạn vật, lớp sương mỏng phủ trên mặt hồ dần tan, để nhường chỗ cho nắng mới vàng tươi ấm áp khắp không gian.

Câu 3 trang 116 sgk Tiếng Việt lớp 5 Tập 2: Góp ý và chỉnh sửa dàn ý. G: – Chọn cảnh đẹp thiên nhiên theo đúng yêu cầu của đề bài. – Các chi tiết miêu tả thể hiện được vẻ đẹp riêng của cảnh đẹp thiên nhiên nơi em ở. – Nêu được suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc đối với cảnh đẹp thiên nhiên được tả.	+ Mặt hồ phẳng lặng, bình yên tựa hồ một tấm gương soi khổng lồ bùng sáng hẳn lên bởi ánh bình minh. + Thỉnh thoảng có những làn gió mát thổi qua hồ làm cho mặt nước khẽ gợn sóng, từng con sóng nhỏ lăn tăn như đang vui đùa với những bé nắng khiến mặt hồ lung linh, rực rỡ hơn hẳn. b. Khu vực bao quanh hồ: + Em và mẹ đi bộ trên con đường nhỏ lát gạch sạch sẽ bao quanh hồ. + Người ta tỉ mỉ lát từng viên gạch trên con đường nhỏ tạo cảm giác như đang đi trên một con đường thôn quê mộc mạc. + Nắng vàng trải xuống con đường nhỏ khiến cho cảnh vật trông tràn đầy sức sống. + Những hạt sương nhỏ tí xíu, long lanh như hạt ngọc điểm tô cho vẻ đẹp của từng cánh hoa, lá cỏ sát hồ khiến chúng trở nên lung linh hơn dưới ánh nắng mai + Chim chóc nhảy nhót, bay lượn, chuyển từ cành cây này sang cành cây khác khiến cho công viên vào buổi sáng thêm vui tươi, nhộn nhịp hơn hẳn. + Trên con đường nhỏ, người dân đi bộ, tập thể dục tung bừng, rộn rã. Kết bài: Nếu ai hỏi quê hương em có cảnh gì đẹp, em sẽ rất tự hào giới thiệu với họ công viên quê hương, đặc biệt là vào buổi sáng. Em rất yêu và muốn ngắm nhìn bức tranh ấy mỗi buổi sớm mai. + HS tự đọc dựa theo góp ý chỉnh sửa dàn ý theo các nội dung gợi ý trong sách giáo khoa vào vở bài tập -HS nối tiếp đọc bài sau khi chỉnh sửa
4. Vận dụng trải nghiệm. - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+Trao đổi với người thân để có thêm thông tin về đặc điểm của cảnh đẹp thiên nhiên nơi gia đình em sinh sống - GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. - GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà viết lại dàn ý về tả một cảnh thiên nhiên nơi mình ở	+Dựa vào nội dung cần có của các phần mở bài, thân bài (tả bao quát toàn cảnh, tả chi tiết cảnh đẹp thiên nhiên), kết bài, em tự liệt kê, kể về cảnh đẹp thiên nhiên nơi gia đình em sống - HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. Nộp phiếu học tập để GV chấm, đánh giá kỹ năng vận dụng vào thực tiễn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

Bài 67: LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS thực hiện được việc thu thập, phân loại, so sánh, sắp xếp số liệu thống kê theo các tiêu chí cho trước.
- HS thực hiện được việc đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ hình quạt tròn, đưa ra nhận xét từ biểu đồ hình quạt tròn.
- HS được củng cố kỹ năng sử dụng tỉ số để mô tả số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện trong một thí nghiệm so với tổng số lần thực hiện thí nghiệm đó ở những trường hợp đơn giản và hiểu được một ứng dụng của yếu tố xác suất trong cuộc sống (trong hoạt động lựa chọn).
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; mô hình hóa toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo giao tiếp và hợp tác;...
 - Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. - Cách chơi : Mỗi HS (theo nhóm) gieo xúc xắc 1 lần, để xác định cá nhân thuộc nhóm nào, thực hiện nhiệm vụ gì. Mỗi nhóm tổng hợp kết quả của nhóm mình, chia sẻ kết quả trước lớp, GV	- HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe cách chơi

hoặc một HS ghi lại kết quả lên bảng. Dựa vào bảng số liệu vừa thu thập được, HS trả lời các câu hỏi:

+ Câu 1: Mỗi nhóm có bao nhiêu bạn, nhóm nào nhiều bạn nhất?

+ Câu 2: Viết tỉ số mô tả số lần lặp lại của khả năng " xuất hiện mặt 1 chấm" so với tổng số lần gieo xúc xắc

- GV Nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới

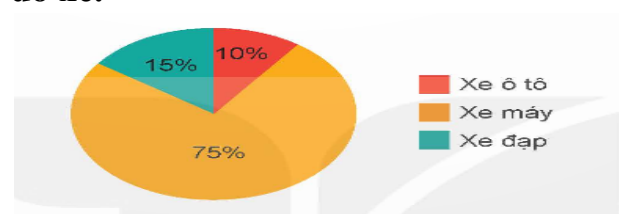
+ HS chia sẻ kết quả trước lớp.

- Các nhóm nhận xét.

- HS lắng nghe.

2. Hoạt động thực hành

Bài 1. Biểu đồ dưới đây cho biết tỉ số phần trăm các loại xe đang gửi trong bãi đỗ xe.



Quan sát biểu đồ và trả lời câu hỏi :

a. Trong bãi đỗ xe đó loại xe nào có nhiều nhất?

b. Số xe ô tô chiếm bao nhiêu phần trăm số xe gửi trong bãi?

c. Biết trong bãi có 30 xe đạp. Hỏi trong bãi hiện có tất cả bao nhiêu xe

- GV yêu cầu HS đọc bài 1.

- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân

- GV gọi HS nêu kết quả thực hiện.

- GV Nhận xét tuyên dương (sửa sai)

- HS đọc nội dung bài tập 1.

- Cá nhân HS thực hiện vào vở. Nêu kết quả thực hiện bài tập.

a) Trong bãi đỗ xe đó, xe máy có số lượng nhiều nhất (chiếm 75% phần trăm số xe gửi trong bãi).

b) Số xe ô tô chiếm 10% số xe gửi trong bãi.

c) 30 xe đạp chiếm 15% số xe gửi trong bãi. Vậy 1% số xe gửi trong bãi là: $30 : 15 = 2$ (chiếc). Trong bãi hiện có số xe là: $2 \times 100 = 200$ (chiếc).

- Lắng nghe

Bài 2.

- GV gọi HS đọc tình huống ở bài tập số 2 và làm bài theo nhóm đôi.

Lấy được 2 chiếc tất giống nhau	
Lấy được 2 chiếc tất khác nhau	

- GV giới thiệu bài tập và hướng dẫn cách làm. Dựa vào bảng kiểm đếm, ta thấy trong tháng 4 Rô-bốt đã thực hiện thí nghiệm này 30 lần, trong đó có 8 lần Rô-bốt lấy được 2 chiếc tất giống nhau và



- HS quan sát, lắng nghe GV hướng dẫn cách làm.

có 22 lần Rô-bốt lấy được 2 chiếc tất khác nhau.

- GV mời HS làm việc nhóm đôi, thực hiện yêu cầu bài tập.
- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV giải thích cách làm.
- GV mời lớp làm việc nhóm 4, thực hiện theo yêu cầu.
- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

a) Vẽ 4 chiếc tất và tô màu 2 chiếc tất bởi màu đỏ, 2 chiếc tất bởi màu vàng rồi cắt rời những chiếc tất đó.



Nhắm mắt, lấy 2 chiếc tất bất kì từ những chiếc tất đó, quan sát màu, ghi lại kết quả và trả lại 2 chiếc tất đó. Thực hiện 10 lần như vậy.

b). Viết tỉ số để mô tả số lần lặp lại của khả năng " lấy được 2 chiếc tất cùng màu" trong số các lần lấy 2 chiếc tất ở trên.

c). Nếu mỗi lần lấy 3 chiếc tất bất kì thì ta có chắc chắn lấy được 2 chiếc tất cùng màu hay không?

- Nếu mỗi lần lấy 3 chiếc tất bất kì thì ta có chắc chắn lấy được 2 chiếc tất cùng màu hay không?

- HS làm việc nhóm đôi, thực hiện nêu kết quả thảo luận.

- Đại diện các nhóm trả lời.

+ Vậy tỉ số mô tả số lần lặp lại của khả năng lấy được 2 chiếc tất giống nhau so với tổng

$$\frac{8}{30} \quad \frac{8}{30}$$

số lần lấy tất cả trong tháng 4 là hay

$$\frac{4}{15} \quad \frac{4}{15}$$

+ Tỉ số mô tả số lần lặp lại của khả năng lấy được 2 chiếc tất khác nhau so với tổng số

$$\frac{22}{30} \quad \frac{22}{30} \quad \frac{11}{15} \quad \frac{11}{15}$$

lần lấy tất trong tháng 4 là hay

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- HS lắng nghe cách làm.

- Lớp làm việc nhóm 4, thực hiện theo yêu cầu.

- Đại diện các nhóm trình bày.

a). Các HS trong nhóm lần lượt nhắm mắt, lấy 2 chiếc tất bất kì từ những chiếc tất đó, quan sát màu, ghi lại kết quả và trả lại 2 chiếc tất đó thực hiện 10 lần..

b). HS thực hiện viết vào phiếu

c). Nếu mỗi lần lấy chỉ lấy 2 chiếc tất bất kì thì ta không chắc chắn lấy được 2 chiếc tất cùng màu vì có thể xảy ra khả năng lấy được 2 chiếc tất khác màu.

+ Nếu mỗi lần lấy chỉ lấy 3 chiếc tất bất kì thì ta chắc chắn lấy được 2 chiếc tất cùng màu vì có thể xảy ra các khả năng: lấy được 2 chiếc tất màu đỏ và 1 chiếc tất màu vàng;

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	hoặc lấy được 2 chiếc tất màu vàng và 1 chiếc tất màu đỏ, khả năng nào cũng bao gồm 2 chiếc tất cùng màu. - HS nhận xét - Lắng nghe
4. Vận dụng trải nghiệm. Bài 4. Chọn câu trả lời đúng. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu. - GV mời HS trả lời. - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.	

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- Lớp làm việc cá nhân.
- HS trả lời:
 - Thời gian mà Rô-bốt dành để giải trí và thư giãn ít hơn 25% thời gian trong ngày và đáp án A là đáp án hợp lí.
 - Nhìn vào biểu đồ, ta có thể thấy số giờ mà Rô-bốt dùng để ngủ là khoảng $\frac{3}{4}$ thời gian nửa ngày, hay ta có thể loại phương án A, B và D. Vậy C là đáp án đúng.
- HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Lịch sử & Địa lí:

BÀI 23: DÂN SỐ VÀ CÁC CHỦNG TỘC CHÍNH TRÊN THẾ GIỚI (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

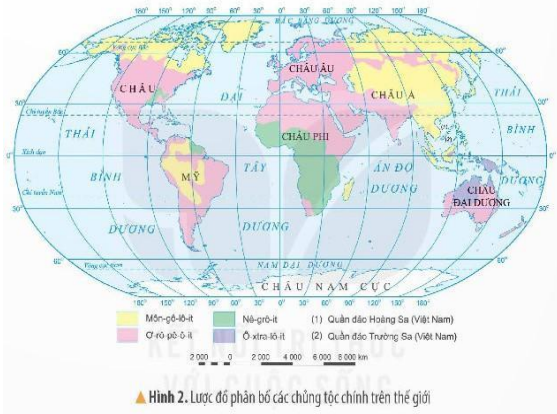
- Sử dụng lược đồ và trình bày được sự phân bố của các chủng tộc trên thế giới.
 - Biết ứng xử phù hợp thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.
- * Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV yêu cầu 4 nhóm HS treo sơ đồ tư duy của nhóm mình lên bảng. - GV gọi lần lượt từng nhóm lên nêu lại đặc điểm ngoại hình của từng chủng tộc trên thế giới. - GV cho các nhóm bình chọn sơ đồ tư duy nào đầy đủ và trình bày đẹp nhất. - GV nhận xét, tuyên dương - GV dẫn dắt vào bài mới: Các em đã nắm được 4 chủng tộc chính trên thế giới và các đặc điểm ngoại hình của họ. Vậy các chủng tộc này được phân bố ở đâu, chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay!	- 4 nhóm lên chia sẻ sơ đồ tư duy - Đại diện mỗi nhóm lên trình bày (mỗi nhóm nêu 1 chủng tộc) - Các nhóm bình chọn sơ đồ tư duy đẹp và đúng nhất. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: 2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về các chủng tộc trên thế giới <i>b. Tìm hiểu về sự phân bố của các chủng tộc</i> - GV yêu cầu cả lớp đọc thông tin mục 2.b và quan sát hình 2 trang 100/SGK.  Hình 2. Lược đồ phân bố các chủng tộc chính trên thế giới - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân sau đó thảo luận theo nhóm đôi trong thời gian 5 phút để trả lời câu hỏi. ? Trình bày sự phân bố của các chủng tộc chính trên thế giới. - GV mời đại diện các nhóm chia sẻ thông tin	- HS đọc thông tin trong SGK và quan sát hình 2. - HS hoạt động cá nhân - HS thảo luận, chia sẻ trong nhóm đôi + Chủng tộc Môn-gô-lô-ít phân bố chủ yếu ở châu Á và châu Mỹ. + Chủng tộc Nê-grô-ít phân bố chủ yếu ở châu Phi.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV nhận xét, tuyên dương - GV gọi HS đọc mục Em có biết để mở rộng kiến thức. - GV chốt: Các chủng tộc trên thế giới đã có sự di chuyển và chung sống cùng nhau. Đặc biệt, các chủng tộc sinh ra trên thế giới đều có quyền như nhau và hoàn toàn bình đẳng, do vậy mỗi người cần có ứng xử phù hợp để tôn trọng sự khác biệt.	+ Chủng tộc Ô-rô-pê-ô-ít phân bố chủ yếu ở châu Âu, châu Mỹ và châu Đại Dương + Chủng tộc Ô-xtra-lô-it phân bố chủ yếu ở châu Đại Dương. - 1 HS đọc to, cả lớp lắng nghe - HS lắng nghe
3. Luyện tập	
<i>a. Nhiệm vụ 1: Dựa vào bảng số dân thế giới và các châu lục năm 2021, hãy sắp xếp số dân các châu lục trên thế giới theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.</i> - GV yêu cầu HS đọc kĩ phần 1- Dân số thế giới (SGK trang 98) để chỉ ra được số dân các châu lục trên thế giới theo thứ tự từ nhỏ đến lớn. - GV cho học sinh chia sẻ nhóm đôi và đổi chéo bài kiểm tra - Gọi HS trình bày - GV nhận xét, tuyên dương <i>b. Nhiệm vụ 2: Hãy vẽ sơ đồ về đặc điểm ngoại hình và sự phân bố của bốn chủng tộc trên thế giới.</i> - GV tổ chức cho HS bổ sung vào sơ đồ tư duy (đã làm ở nhà) để hoàn thiện sơ đồ về đặc điểm ngoại hình và sự phân bố của 4 chủng tộc chính trên thế giới. - GV tổ chức cho HS trao đổi sơ đồ và đánh giá, chấm điểm lẫn nhau dựa trên các tiêu chí nội dung và hình thức dưới đây:	- HS thực hiện cá nhân vào nháp. - HS chia sẻ nhóm đôi, đổi bài kiểm tra nhau. - HS trình bày: Số dân các châu lục trên thế giới theo thứ tự từ nhỏ đến lớn là: Châu Đại Dương; Châu Âu; Châu Mỹ; Châu Phi; Châu Á - HS vẽ hoàn thiện sơ đồ tư duy của nhóm mình - HS thảo luận, chia sẻ, chấm điểm cho nhau - Đại diện các nhóm chia sẻ VD:

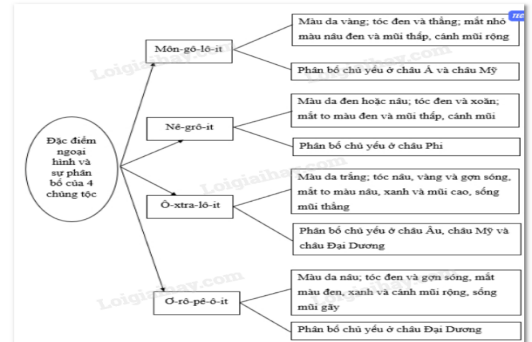
Hoạt động của giáo viên**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SƠ ĐỒ TƯ DUY CỦA HỌC SINH**

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	– Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác	3
		– Bố cục mạch lạc, rõ ràng	2
2	Hình thức	– Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn	3
		– Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh họa cho thông tin	2

- GV yêu cầu các nhóm lên gắn bảng chia sẻ

- GV nhận xét, đánh giá phần làm việc của cả lớp.

- GV đưa ra sơ đồ chốt:

**Hoạt động của học sinh**

- Các nhóm nhận xét, bổ sung

4. Vận dụng.

- GV yêu cầu HS về nhà vận dụng những kiến thức em đã biết hoặc tham khảo trên mạng để viết một đoạn văn 5-7 câu, chia sẻ suy nghĩ của em về việc tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.

- GV tổ chức cho HS chia sẻ về đoạn văn của mình trước lớp vào đầu giờ học sau.

VD: Tôn trọng sự khác biệt chủng tộc là một giá trị đạo đức quan trọng, góp phần xây dựng một thế giới hòa bình và phát triển. Mỗi chủng tộc đều mang những nét đẹp văn hóa, truyền thống riêng biệt, tạo nên sự đa dạng phong phú cho nhân loại. Việc trân

- HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
trọng và tôn vinh những khác biệt này là thể hiện sự cởi mở, hiểu biết và lòng nhân ái. Khi ta tôn trọng sự khác biệt chủng tộc, ta xóa bỏ những định kiến, rào cản và tạo cơ hội cho sự giao thoa văn hóa, thúc đẩy hợp tác và phát triển chung. Mỗi cá nhân đều có cơ hội học hỏi, khám phá những giá trị mới mẻ, từ đó hoàn thiện bản thân và vun đắp cho một cộng đồng đa dạng, đoàn kết.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

BUỔI CHIỀU:

Đạo đức:

BÀI 8: SỬ DỤNG TIỀN HỢP LÝ (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nêu được một số biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí.
- Biết vì sao phải sử dụng tiền hợp lí.
- Nêu được cách sử dụng tiền hợp lí.
- Thực hiện được việc sử dụng tiền hợp lí.
- Góp ý với bạn bè để sử dụng tiền hợp lí.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; điều chỉnh hành vi; tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội;...
 - Phẩm chất: trách nhiệm; nhân ái; chăm chỉ;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ mở đầu: (3-5p)	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ + Hãy chia sẻ với các bạn về việc em đã sử dụng tiền tiết kiệm của mình như thế nào? - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới. - GV ghi bảng tên bài.	- HS trình bày trước lớp. - HS lắng nghe, trả lời. - HS lắng nghe.
2. HĐ hình thành kiến thức mới:	
Hoạt động 1: Khám phá các biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí (Làm việc nhóm)	

Hoạt động 1.1: Quan sát tranh để tìm các biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lý

- GV tổ chức cho HS quan sát 6 bức tranh trong mục 1 phần Khám phá và thực hiện HS thực hiện nhiệm vụ: làm

Yêu cầu:

- + Mô tả nội dung các bức tranh.
- + Nêu biểu hiện sử dụng tiền hợp lý của hai chị em trong các bức tranh.
- GV mời HS lần lượt mô tả nội dung từng bức tranh; đại diện các nhóm nêu từng biểu hiện của sử dụng tiền hợp lý. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS.
- GV và các nhóm khác cùng lắng nghe, bổ sung.

- GV chốt: Biểu hiện của sử dụng tiền hợp lý: Lên kế hoạch trước khi mua sắm (tranh 2); so sánh giá cả hàng hoá cùng loại, lựa chọn hàng hoá có giá cả hợp lý (tranh 3); cân nhắc, tính toán giữa nhu cầu và mong muốn để quyết định mua hàng hoá nào phù hợp với nhu cầu, sự cần thiết của bản thân trước (tranh 4); cân nhắc khi mua hàng khuyến mại, mua hàng vừa đủ dùng (tranh 5); nuôi lợn đất để tiết kiệm tiền (tranh 6).
- Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân (quan sát tranh, mô tả nội dung từng bức tranh), thảo luận nhóm đôi về các biểu hiện của sử dụng tiền hợp lý, ghi kết quả vào nháp/phiếu học tập.
- Gọi HS nêu ý kiến cá nhân.
- GV cùng lớp nhận xét, bổ sung.

- HS cả lớp quan sát tranh
- 1 HS đọc yêu cầu thảo luận
- HS làm việc nhóm 4, cùng nhau thảo luận các câu hỏi và trả lời.
- Các nhóm trình bày
- Các nhóm nhận xét nhóm bạn.
- HS lắng nghe
- HS thực hiện nhiệm vụ
- HS trả lời cá nhân

Hoạt động 1.2: Tìm hiểu mở rộng

- GV tiếp tục hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4 – 6 để thực hiện yêu cầu: Hãy kể thêm HS thảo luận nhóm, ghi vào một số biểu hiện khác của việc sử dụng tiền hợp lý (hoặc nêu một số biểu hiện khác của việc sử dụng tiền không hợp lý).
- GV mời một số HS đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- GV nhận xét, kết luận: Một số biểu hiện khác của việc sử dụng tiền hợp lý: Không mua hàng quá hạn sử dụng, đặc biệt là thực phẩm; không ham hàng rẻ kém chất lượng; không vay

- HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.
- Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

mượn để mua hàng theo sở thích; không lệ thuộc vào quảng cáo,...	
Hoạt động 2: Khám phá ý nghĩa và cách sử dụng tiền hợp lí	
Hoạt động 2.1: Khai thác thông tin trong SGK - Yêu cầu HS đọc thông tin, thảo luận nhóm đôi, ghi kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập. - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi, đọc thông tin “Cô bé bán chè bưởi” trong mục 2 phần Khám phá và trả lời câu hỏi: + Bạn Bông đã sử dụng tiền như thế nào? + Em có nhận xét gì về cách sử dụng tiền của bạn? + Việc sử dụng tiền hợp lí có tác dụng như thế nào đối với bạn Bông? - GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến. - GV nhận xét, kết luận: + Bạn Bông đã kinh doanh chè bưởi và chia tiền lãi trong kinh doanh thành 6 phần theo phương pháp 6 chiếc lọ (có điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh của bản thân). + Cách sử dụng tiền của bạn Bông rất hợp lí và thông minh. + Việc sử dụng tiền hợp lí có tác dụng giúp bạn Bông tạo được nguồn thu nhập, có tiền tiết kiệm, chi tiêu, đáp ứng nhu cầu của bản thân, giúp đỡ bố mẹ và những người gặp khó khăn trong cuộc sống. Hoạt động 2.1: Tìm hiểu ý nghĩa của việc sử dụng tiền hợp lí - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: Theo em, vì sao chúng ta phải sử dụng tiền hợp lí? - GV mời 1 – 2 HS đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến. - GV nhận xét, kết luận: Học tập bạn Bông, chúng ta phải sử dụng tiền hợp lí để có tiền chủ động trong chi tiêu, đáp ứng được nhu cầu của bản thân, phòng ngừa rủi ro và giúp đỡ những người gặp khó khăn.	- HS đọc thông tin, thảo luận nhóm đôi, ghi kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập. - HS làm việc nhóm 4, cùng nhau thảo luận các câu hỏi và trả lời. - Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS đọc thông tin, thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận vào nháp/phiếu học tập. - Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe
3. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (2-3p)	
- Yêu cầu HS chia sẻ	HS nêu

- Em đã thực hiện được tốt những cách sử dụng tiền hợp lý nào? - Gv yêu cầu HS về nhà vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt về các cách sử dụng tiền hợp lý. - GV nhận xét, khen ngợi những HS đã biết giải thích lý do cần phải thực hiện tốt các cách sử dụng tiền hợp lý.	HS lắng nghe về thực hiện. HS lắng nghe
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Luyện Tiếng Việt:

Đề bài: Viết bài văn tả một dòng sông mà em có dịp quan sát.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Củng cố cách viết văn nêu ý kiến, sửa lỗi khi dùng từ gọi tả, dấu câu, từ nối, chính tả chưa phù hợp.
- Hình thành và phát triển kỹ năng viết văn và dùng từ phù hợp với hình ảnh so sánh, nhân hoá....

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động - GV tổ chức cho HS hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Giúp học sinh củng cố kiến thức, rèn kỹ năng đọc và hiểu nội dung bài, làm được các bài tập trong vở bài tập.	- HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao cho HS làm bài. Đề bài: Viết bài văn tả một dòng sông mà em có dịp quan sát. Lập dàn ý cho đề bài trên. G: Phần thân bài (tả một dòng sông) – Tả quang cảnh dòng sông từ xa: + Âm thanh: tiếng sóng vỗ, tiếng hò kéo lưới, tiếng tàu thuyền,... + Hình dáng: quanh co, ngoằn ngoèo, mềm mại,... – Tả dòng sông khi đến gần: chiều dài, bề rộng,...; sóng trên sông: lân tân,...; sắc nước: trong xanh hay đục ngầu, đỏ,...; hai bên dòng sông;... – Tả dòng sông vào các thời điểm:	- HS làm bài - HS cùng bàn đối vở kiểm tra bài.

+ Buổi sáng: sương sớm trên sông, ánh bình minh trên sông, đoàn thuyền đánh cá,... + Buổi trưa: nắng loá trên sông hay âm u, mưa rào trắng xoá,... + Buổi chiều: hoàng hôn trên sông, tàu thuyền trở về,... + Theo từng mùa: mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông. - GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. Hoạt động 2: Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: - GV mời cầu HS đọc yêu cầu bài . - Mời HS trình bày. - Mời các HS nhận xét, bổ sung. - Nhận xét, bổ sung: - GV chốt: <i>củng cố cách</i> Viết bài văn tả một dòng sông hay khu rừng mà em có dịp quan sát. 3. HĐ Vận dụng H: Em biết được thông điệp gì qua bài học? □ GV hệ thống bài: - Nắm được cách Viết bài văn tả một dòng sông hay khu rừng mà em có dịp quan sát. - Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Nhận xét giờ học. - <u>Dẫn chuẩn bị bài sau.</u>	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập, đọc bài chữa bài làm hoàn thiện vào vở Luyện tập theo gợi ý - Theo dõi bổ sung. - HS nghe HS lắng nghe
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Thứ Tư ngày 22 tháng 04 năm 2026

Toán:

BÀI 68: ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN, PHÂN SỐ, SỐ THẬP PHÂN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS đọc, viết được số tự nhiên; nhận biết được cấu tạo và giá trị theo hàng của các chữ số trong một số tự nhiên.

- HS viết được số tự nhiên thành tổng theo hàng.
- HS thực hiện được so sánh, xếp thứ tự các số tự nhiên; làm tròn số đến hàng nghìn.
- HS vận dụng được việc so sánh, xếp thứ tự, làm tròn số đến hàng nghìn để giải quyết một số tình huống thực tế.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; mô hình hóa toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên		Hoạt động của học sinh									
1. Khởi động:											
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Đọc các số sau: 67 987, 567 456, 42 767,... + Câu 2: Làm tròn các số trên đến hàng trăm? + Câu 3: Làm tròn các số trên đến hàng chục? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới		- HS tham gia trò chơi + HS lần lượt nêu cách đọc các số + 67 987 = 68 000; 567 456 = 567 000, 42 767 = 42 800 + 67 987 = 68 990; 567 456 = 567 460; 42 767 = 42 770 - HS lắng nghe.									
2. Hoạt động thực hành											
Bài 1. Dưới đây là số tiền điện tháng hai của ba công ty ở một toà nhà văn phòng											
<table><tr><td>Tên công ty</td><td>Công ty A</td><td>Công ty B</td><td>Công ty C</td></tr><tr><td>Số tiền (đồng)</td><td>105 362 480</td><td>83 985 724</td><td>121 783 907</td></tr></table>				Tên công ty	Công ty A	Công ty B	Công ty C	Số tiền (đồng)	105 362 480	83 985 724	121 783 907
Tên công ty	Công ty A	Công ty B	Công ty C								
Số tiền (đồng)	105 362 480	83 985 724	121 783 907								
a). Đọc số tiền điện tháng Hai của các công ty.											
b). Nêu giá trị của chữ số 3 trong mỗi số tiền trên											
c). Làm tròn đến hàng nghìn số tiền điện tháng Hai của các công ty											
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời lớp làm việc chung: Quan sát bảng, đọc số liệu mỗi công ty. - GV mời HS trả lời.		- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc chung: Quan sát tranh, đọc số liệu mỗi công ty. - HS lần lượt nêu câu trả lời.									
a). Đọc số tiền điện tháng Hai của các công ty.		a) Công ty A: Một trăm linh năm triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi đồng; công ty B: Tám mươi ba triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn									

b). Nêu giá trị của chữ số 3 trong mỗi số tiền trên.

- GV yêu cầu HS giải thích vì sao chữ số 3 ở các số khác nhau lại có giá trị khác nhau

c). Làm tròn đến hàng nghìn số tiền điện tháng Hai của các công ty

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2.

a) Viết mỗi số 81 063, 40 725, 507 689, 2 640 530 thành tổng (theo mẫu).

Mẫu: $81\ 063 = 80\ 000 + 1\ 000 + 60 + 3$

b) Số ?

$50\ 000 + 7\ 000 + 300 + ? + 6 = 57\ 346$

$800\ 000 + 40\ 000 + ? + 200 + 90 = 843\ 290$

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV mời HS làm việc cá nhân viết vào vở, 2 HS lên bảng thực hiện trên bảng

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3. Chọn câu trả lời đúng

a) Bốn số nào dưới đây tạo thành bốn số tự nhiên liên tiếp?

a) Bốn số nào dưới đây tạo thành bốn số tự nhiên liên tiếp?

A. 999; 1 000; 1 002; 1 003 B. 1 958; 1 959; 1 960; 1 961

C. 4 080; 4 081; 4 082; 4 084 D. 2 587; 2 589; 2 590; 2 591

b) Bốn số nào dưới đây tạo thành bốn số lẻ liên tiếp?

A. 5 643; 5 645; 5 647; 5 651 B. 8 009; 8 011; 8 015; 8 017

C. 7 497; 7 499; 7 501; 7 503 D. 6 525; 6 529; 6 531; 6 533

b) Bốn số nào dưới đây tạo thành bốn số lẻ liên tiếp?

A. 5 643; 5 645; 5 647; 5 651 B. 8 009; 8 011; 8 015; 8 017

C. 7 497; 7 499; 7 501; 7 503 D. 6 525; 6 529; 6 531; 6 533

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV mời lớp làm việc nhóm đôi, thực hiện theo yêu cầu

- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

bảy trăm hai mươi tư đồng; công ty C: Một trăm hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn chín trăm linh bảy đồng).

b) chữ số 3 trong số 105 362 480 có giá trị là 300 000; chữ số 3 trong số 83 965 724 có giá trị là 3 000 000; chữ số 3 trong số 121 783 907 có giá trị là 3 000).

- HS giải thích

c) 105 362 000; 83 966 000; 121 784 000

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- HS thực hiện vào vở.

a) $40\ 725 = 40\ 000 + 700 + 20 + 5$

$507\ 689 = 500\ 000 + 7\ 000 + 600 + 80 + 9$

$2\ 640\ 530 = 2\ 000\ 000 + 600\ 000 + 40\ 000 + 500 + 30.$

b). $50\ 000 + 7\ 000 + 300 + 40 + 6$

$800\ 000 + 40\ 000 + 3\ 000 + 200 + 90$

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc nhóm đôi, thực hiện theo yêu cầu.

- Đại diện các nhóm trình bày.

a. ý B

b. ý C

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, sửa sai (nếu có)
Bài 4: Cho biết số dân vào giữa năm 2021 của một số nước Đông Nam Á (theo Niên giám thống kê năm 2021) như sau: 4 Cho biết số dân vào giữa năm 2021 của một số nước Đông Nam Á (theo Niên giám thống kê năm 2021) như sau: Việt Nam: 96 500 000 người In-đô-nê-xi-a: 275 100 000 người Xin-ga-po: 5 700 000 người Phi-líp-pin: 110 200 000 người a) Trong các nước trên, nước nào có số dân ít nhất, nước nào có số dân nhiều nhất? b) Viết tên các nước trên theo thứ tự có số dân từ nhiều nhất đến ít nhất. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời lớp làm việc nhóm đôi, thực hiện theo yêu cầu - GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS đọc yêu cầu. - HS thực hiện thảo luận - Đại diện nêu câu trả lời a) Nước có số dân ít nhất là Xin-ga-po. Nước có số dân nhiều nhất là In-đô-nê-xia. b) Các nước theo thứ tự có số dân từ nhiều nhất đến ít nhất là: In-đô-nê-xi-a; Phi-líp-pin; Việt Nam; Xin-ga-po - HS nhận xét, bổ sung.
4. Vận dụng trải nghiệm. Bài 5: Số ? a) Số tự nhiên bé nhất là ? b) Số lớn nhất có bảy chữ số khác nhau là ? c) Số bé nhất có sáu chữ số khác nhau là ? d) Số liền sau của số lớn nhất có bảy chữ số là ? - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu. - GV mời HS trả lời. - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc cá nhân. - HS trả lời: (a) 0; b) 9 876 543; c) 102 345; d) 10 000 000). - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:**Tiếng Việt:****ĐỌC: VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA (2 tiết)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Đọc đúng và đọc diễn cảm, học thuộc lòng bài thơ “Việt Nam quê hương ta” biết đọc diễn cảm phù hợp nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc yêu thương. Tự hào của tác giả đối với quê hương.

- Đọc hiểu: Nhận biết được các sự việc, cảnh vật qua lời kể tả của tác giả. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của tác giả đối với quê hương, đất nước. Hiểu các giá trị nghệ thuật của bài thơ dựa vào cách sử dụng từ ngữ, các biện pháp nghệ thuật so sánh nhân hóa trong bài thơ, từ đó thấy được hình ảnh đất nước Việt Nam tươi đẹp, thơ mộng và tràn đầy sức sống trong truyền thống và hiện tại. Hình ảnh con người Việt Nam dũng cảm, kiên cường, khéo léo và thủy chung. Nhận biết được hình ảnh thơ, thời gian, không gian được thể hiện trong bài thơ lục bát.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...

- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	
- GV tổ chức trò chơi “Tôi yêu nước” - GV hướng dẫn cách chơi: trả lời câu hỏi gợi ý sau: + Câu 1: Nếu gặp một người bạn nước ngoài, em sẽ giới thiệu những gì về đất nước mình?	- HS quan sát tranh và thực hiện - HS thực hiện cá nhân trả lời nối tiếp theo ý riêng: Ví dụ: Nếu gặp một người bạn nước ngoài, em sẽ giới thiệu về đất nước mình qua các nội dung: nước Việt Nam có 64 tỉnh thành, nằm dọc thành dải đất hình chữ S. Nước Việt Nam có một đường bờ biển dài phía đông, phía tây có hệ thống núi đồ sộ, dày đặc; có hai đồng bằng lớn nhất nước tập trung ở dọc hạ lưu sông Hồng và sông Cửu

+ Câu 2: giới thiệu và chia sẻ hình ảnh mình đã sưu tầm ở nhà chuẩn bị ở nhà? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.	Long. Việt Nam là nước chủ nghĩa xã hội, gồm chỉ một Đảng duy nhất, cho phép tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật cho phép. - Dựa vào tranh ảnh chuẩn bị để giới thiệu - HS lắng nghe.
2. Khám phá.	
2.1. Luyện đọc đúng. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, với ngữ điệu chung: chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả ,gợi cảm thể hiện tâm trạng, cảm xúc tự hào về quê hương ta - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, cần biết đọc phù hợp thể hiện nhẹ nhàng, triều mến, dũng cảm, xót xa, mạnh mẽ ,yêu quý, tự hào... về quê hương Việt Nam. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV nêu các khổ thơ trong bài: - GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo 5 khổ thơ - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>Trường Sơn, đất nghèo, sớm chiều, áo nâu, quân thù...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu: <i>Quê hương /biết mấy thân yêu/ Bao nhiêu đời /đã chịu nhiều thương đau/ Mặt người/ vất vả in sâu/ Gái trai /cũng một áo nâu /nhuộm bùn.//</i> - GV HD đọc đúng ngữ điệu: Đọc chậm rãi, tình cảm; thay đổi ngữ điệu khi đọc theo khổ thể hiện cảm xúc tự hào, yêu quý, xót xa, mãnh liệt theo nội dung từng khổ - GV mời 5 HS đọc nối tiếp khổ. - GV nhận xét tuyên dương.	- Hs lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
2.2. Luyện đọc diễn cảm. - GV đọc mẫu diễn cảm toàn bài, giọng đọc phù hợp với ngữ điệu bài đọc . - GV Hướng dẫn cách đọc diễn cảm: + Đọc giọng chậm, trầm rõ ràng với giọng kể chuyện thể hiện xót xa biết ơn + Đọc giọng nhanh, vui tươi thể hiện tâm trạng tự hào, anh dũng, mãnh liệt. + Biết đổi giọng phù hợp nội dung từng khổ thơ - GV yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm	- HS lắng nghe GV đọc mẫu diễn cảm. - HS nghe GV hướng dẫn cách đọc. - HS luyện đọc nhóm bàn nối tiếp đoạn

- GV theo dõi nhận xét, tuyên dương (sửa sai).	
2.3. Luyện đọc toàn bài. - GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo khổ - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV mời HS luyện đọc theo cặp. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV nhận xét chung.	- 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS đọc theo cặp, mỗi bạn đọc 1 khổ cho đến hết bài. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
TIẾT 2	
3. Tìm hiểu bài.	
3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh hoạ (nếu có) + Áo nâu : vải ngày xưa dệt và được nhuộm từ lá cây hay bùn có màu nâu. + Anh hùng là một con người đã chiến đấu với nghịch cảnh thông qua những chiến công của sự khéo léo, can đảm hoặc sức mạnh trong khi đối mặt với các nguy hiểm.	- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1/ Khổ thơ đầu tiên giới thiệu cảnh sắc thiên nhiên Việt Nam đẹp như thế nào? + Câu 2: Hình ảnh con người Việt Nam trong những năm tháng chiến tranh hiện lên ra sao? + Câu 3: Tác giả muốn nói điều gì về đất nước, con người Việt Nam qua hai khổ thơ cuối?	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: + Qua khổ thơ đầu tiên, vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên Việt Nam được mô tả: biển lúa mênh mông, có những cánh cò bay dập dờn, nhìn ra xa mây che mờ thoảng đỉnh Trường Sơn mỗi sớm mai và khi chiều tà. Cảnh sắc thiên nhiên thật non nước hữu tình. + Trong cuộc thi "Bảy sắc cầu vồng" Thảo A Sùng đã giới thiệu về chè Tà Xùa: + Trong những năm tháng chiến tranh, hình ảnh con người Việt Nam hiện ra: con người bị thương, chìm trong máu và lửa của bom đạn nhưng vẫn vùng lên chiến đấu, quyết tâm hạ gục quân thù, cho chúng phải nằm xuống. + Qua hai khổ thơ cuối, tác giả muốn nói về đất nước, con người Việt Nam: Việt Nam có thời tiết ôn hoà, cây cối phát triển, thiên nhiên thuận lợi cho trồng trọt sản xuất nông nghiệp. Con

+ Câu 4: Qua bài thơ, tác giả thể hiện những tình cảm gì đối với quê hương, đất nước? + Câu 5: Em thích những câu thơ nào trong bài? Vì sao? - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học. - GV nhận xét và chốt: <i>Cảnh sắc Việt Nam ta đẹp rạng ngời trong non nước hữu tình, con người Việt đậm tình mà anh dũng, gan dạ. Là người Việt Nam, tự hào biết bao từng giá trị, vẻ đẹp quê hương.</i>	người Việt Nam tình cảm, chung thủy, tài năng, mỗi người một vẻ, mỗi vùng một đặc trưng riêng, làm nên một đất nước tài hoa, xinh đẹp. + Qua bài thơ, tác giả thể hiện được với quê hương, đất nước những tình cảm: yêu thiên nhiên, yêu cảnh đẹp quê hương; yêu lấy nghề nông chân chất của quê Việt; yêu và ngưỡng mộ tinh thần sẵn sàng xung phong đánh giặc khi thời chiến đến, thời bình linh hoạt trở thành những người tham gia tăng gia sản xuất; yêu lòng thủy chung, nặng tình, tài năng của người Việt Nam. + HS tự nêu ý kiến của mình (VD Những câu thơ trong bài mà em thích là: Đất nghèo nuôi những anh hùng Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên Đạp quân thù xuống đất đen Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa. Vì qua những câu thơ này, em thấy người Việt Nam giản dị, bình thường, cơm trắng rau xanh lại có thể có được sức mạnh đánh đổ quân thù thành công, trở thành người hùng trong thời chiến và hoá thành người hiền lành, chất phác trong thời bình. Người Việt Nam thật linh hoạt và tài năng. ...) - 2 - 3 HS tự rút ra nội dung bài học - 3 - 4 HS nhắc lại nội dung bài học.
3.3. Luyện đọc lại. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc (3 em, mỗi em đọc 1 đoạn), đọc nối tiếp diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ - GV cho HS Thi đọc thuộc lòng bài thơ - GV mời HS nhận xét bạn đọc. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS luyện đọc lại diễn cảm theo nhóm 3. - HS nhận xét cách đọc diễn cảm của các nhóm, của bạn Thi đọc thuộc lòng bài thơ
4. Luyện tập theo văn bản đọc.	

Bài 1. Mỗi từ in đậm trong hai dòng thơ dưới đây có được dùng với nghĩa gốc không? Vì sao?

Tay người như có phép tiên
Trên tre lá cũng **dệt** nghìn bài thơ.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- Mời HS làm việc cá nhân, nhóm đôi vào phiếu học tập hay vở và trình bày trước lớp

- GV mời HS nhận xét nhóm đọc.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. Tìm các từ đồng nghĩa với mỗi từ *thân yêu, vất vả* trong bài thơ.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- Mời HS làm việc cá nhân, trình bày nối tiếp trước lớp.

- GV mời HS nhận xét các nhóm.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3. Đặt câu với 1 – 2 từ tìm được ở bài tập 2.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- Mời HS làm việc cá nhân, trình bày nối tiếp trước lớp.

- GV mời HS nhận xét bổ sung cho bạn.

- GV nhận xét, tuyên dương.

5. Vận dụng trải nghiệm.

- 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập.

- HS làm bài cá nhân vào vở và trình bày trước lớp.

– Từ in đậm *tay* được dùng với nghĩa gốc. Vì tay là một bộ phận của người, dùng để cầm nắm một vật gì đó. Ở trong dòng thơ, từ *tay* được mang nghĩa gốc.

– Từ in đậm *dệt* không được dùng với nghĩa gốc. Vì dệt là phương pháp sản xuất vải bằng cách xen kẽ hai bộ sợi tạo thành một mảnh vải. Ở trong dòng thơ, từ *dệt* dùng nghĩa chuyển, lá cây tre chuyển động giống với động tác dệt của con người.

- HS nhận xét bạn

- 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập.

- HS làm cá nhân và nối tiếp trình bày:

– Từ đồng nghĩa với từ *thân yêu*: yêu thương, thân thương.

– Từ đồng nghĩa với từ *vất vả*: khôn khổ, làm lữ.

- HS nhận xét các nhóm.

- HS lắng nghe, sửa chữa.

- 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập.

- HS làm cá nhân và nối tiếp trình bày:

– Gia đình của em mọi người rất **yêu thương** em!

- Đôi bạn tay chai sần ghi dấu ấn **nhọc nhằn** của mẹ.

- HS nhận xét các bạn

- HS lắng nghe, sửa chữa.

- GV yêu cầu HS suy nghĩ , cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ “Việt Nam quê hương tôi” - Rút ra bài học cho bản thân đối với việc xây dựng và bảo vệ quê hương - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS suy nghĩ cá nhân và nêu một số việc làm cụ thể của mình - VD: + Những việc nên làm :giữ gìn, phát triển,giới thiệu với mọi người về sản vật danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử, các anh hùng của quê hương để nhiều người biết đến. + Những việc không nên : nói và làm không đúng ảnh hưởng đến vẻ đẹp và niềm tự hào của quê hương đất nước - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

.....

Thứ Năm ngày 23 tháng 04 năm 2026

Tiếng Việt:

VIẾT: LUYỆN VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Viết được bài văn tả phong cảnh theo dàn ý đã lập, đáp ứng đúng yêu cầu của bài văn tả phong cảnh.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
 - Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết văn miêu tả phong cảnh - HS Nếu đề viết đoạn văn tả phong cảnh cần chuẩn bị những gì? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới	- 1 HS nhắc lại cách viết đã học ở tiết trước. - HS nêu nối tiếp nêu: <i>đủ ,đúng bố cục3 phần, dùng và chọn cảnh tả, sắp xếp trình tự tả phù hợp.Khi miêu tả cảnh đẹp thiên nhiên, em cần sử dụng biện pháp so sánh,</i>

Ở tiết học trước, các em đã lập dàn ý bài văn tả phong cảnh. Tiết học này chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu cách viết và trình bày như thế nào? Thì cô mời các em cùng tiểu hiểu bài hôm nay.	<i>nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để bài văn có sức cuốn hút với người đọc.</i> - HS lắng nghe.
2. Khám phá. Bài 1: Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 23, viết bài văn theo yêu cầu. Tả một cảnh đẹp thiên nhiên nơi em ở - GV mời 2 HS đọc đề trong SGK. - GV mời HS làm việc cá nhân đọc dàn ý chỉnh sửa và viết vở: - GV mời đại diện 1 số học sinh đọc dàn ý tiết trước mình đã chuẩn bị. - GV nhận xét tuyên dương (lưu ý sửa phần học sinh chọn và chuẩn bị) và chốt: <i>Qua bài tập 1 đã giúp các em biết chọn cảnh tả, tìm ý lập dàn ý và sắp xếp logic, tiếp theo trình bày vào vở khoa học để giúp bài văn mang đậm cá tính của người viết.</i> - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV cho học sinh viết bài vào vở, theo dõi nhắc nhở khi học sinh viết bài	- 2 HS đọc yêu cầu bài . Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS làm việc cá nhân, nêu đề mình chọn chỉnh sửa ,sắp xếp lại và viết vở - Cả lớp nhận xét nhận xét. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
3. Luyện tập. Bài 2: Đọc soát và chỉnh sửa bài viết. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. - GV mời cả lớp làm việc cá nhân sau đó đổi vở soát, nhận xét cho nhau - GV mời đại diện 1 số em trình bày. - Góp ý chỉnh sửa bài viết + Các ý có được sắp xếp hợp lí và phù hợp với bố cục của bài văn theo 3 phần : mở bài ,thân bài, kết bài không? + Có thể hiện được tình cảm, cảm xúc chọn và dùng từ ngữ gợi tả hình ảnh, âm thanh, màu sắc thể hiện những chi tiết nổi bật của cảnh vật, có dùng biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá hay và phù hợp không? + Viết câu văn đủ đúng cấu trúc không? - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung.	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe. - Cả lớp làm việc cá nhân, chỉnh sửa viết bài vào vở theo gợi ý sau đó đổi vở soát và nhận xét sửa cho nhau - Đại diện các nhóm trình bày. - Các nhóm nhận xét, bổ sung. - 4 – 5 HS đọc lại bài viết -HS khác góp ý chỉnh sửa

- GV chấm 1 số bài, nhận xét tuyên dương (sửa sai).	
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV cho học sinh nêu lại bố cục bài viết tả phong cảnh - GV tổng kết, đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà: viết tiếp bài tả cảnh nơi em ở và chia sẻ với người thân về bài viết	- HS lắng nghe. - HS thực hiện chia sẻ trước lớp. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

BÀI 68: ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN, PHÂN SỐ, SỐ THẬP PHÂN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS nhận biết được khái niệm, cách đọc, cách viết phân số, hỗn số.
- HS rút gọn được phân số đã cho về phân số tối giản, so sánh được các phân số, viết phân số thành hỗn số.
- HS vận dụng được những kiến thức về phân số để giải quyết một số vấn đề thực tế.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; mô hình hóa toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

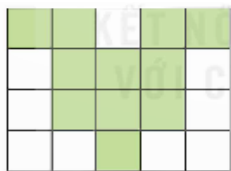
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Thực hiện viết phân số hai mươi sáu phần ba mươi tư. + Câu 2: Em hãy viết một phân số bất kì. + Câu 3: Em hãy chỉ ra tử số, mẫu số của phân số $\frac{78}{88}$ + Câu 4: Em hãy đọc phân số sau $\frac{68}{99}$	- HS tham gia trò chơi + Câu 1: $\frac{26}{34}$ + Câu 2: $\frac{78}{88}$ + Câu 3: Tử số là 78, mẫu số là 88 + Câu 4: Phân số sáu mươi tám phần chín mươi chín.

- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới

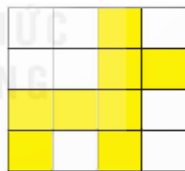
- HS lắng nghe.

2. Hoạt động thực hành

Bài 1. a) Viết rồi đọc phân số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình dưới đây.

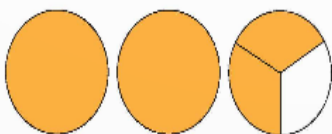


Hình 1

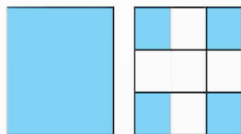


Hình 2

b) Viết rồi đọc hỗn số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình dưới đây.



Hình 1



Hình 2

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
- GV mời lớp làm việc nhóm đôi: Cùng nhau thảo luận và thực hiện các yêu cầu trên.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
- Cả lớp làm việc nhóm đôi: Cùng nhau thảo luận và thực hiện các yêu cầu trên.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

- Đại diện các nhóm trả lời.

$$\frac{11}{20} \frac{11}{20} \quad \frac{8}{16} \frac{8}{16}$$

a) ;

$$\frac{2}{3} \frac{2}{3} \quad \frac{4}{8} \frac{4}{8}$$

b) 2 ; 1

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. Rút gọn phân số:

$$\frac{15}{21} \frac{15}{21} \quad \frac{20}{35} \frac{20}{35} \quad \frac{72}{120}$$

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 2, cả lớp lắng nghe, quan sát.

- GV yêu cầu 3 HS lên bảng thực hiện dưới lớp làm vào vở cá nhân HS thực hiện vào vở.

- 3 HS thực hiện trên bảng , dưới lớp thực hiện vào vở

$$\begin{array}{r} \frac{15}{21} \frac{15}{21} \\ \hline \end{array} \quad \frac{15:3}{21:3} \frac{15:3}{21:3} \quad \frac{5}{7} \frac{5}{7}$$

$$\begin{array}{r} \frac{20}{35} \frac{20}{35} \\ \hline \end{array} \quad \frac{20:5}{35:5} \frac{20:5}{35:5} \quad \frac{4}{7} \frac{4}{7}$$

- GV gọi HS nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương.

$$\begin{array}{r} 72 \quad 72 \\ 120 \quad 120 \end{array} \quad \begin{array}{r} 72:4 \quad 72:4 \\ 120:4 \quad 120:4 \end{array} \quad \begin{array}{r} 18 \quad 18 \\ 20 \quad 20 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 18:6 \quad 18:6 \\ 20:6 \quad 20:6 \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \quad 3 \\ 5 \quad 5 \end{array}$$

- HS nhận xét
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

Bài 3. Quy đồng mẫu số các phân số

$$\frac{5}{6}, \frac{37}{48}, \frac{3}{4}, \frac{2}{5}, \frac{13}{20}$$

- a) và b) ; ;
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.

- GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi vào phiếu

- GV gọi các nhóm trình bày kết quả
- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe.
- HS thảo luận nhóm đôi thực hiện vào phiếu

$$\frac{5}{6} = \frac{40}{48}; \quad \frac{37}{48} = \frac{37}{48}$$

$$\frac{3}{4} = \frac{15}{20}; \quad \frac{2}{5} = \frac{8}{20}; \quad \frac{13}{20} = \frac{13}{20}$$

- b) = ; =
- Đại diện nêu kết quả
 - HS nhận xét
 - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

Bài 4: Các bạn Mai, Việt, Nam và Rô-bốt thi giải khối ru- bích. Thời gian hoàn thành của mỗi bạn như sau:

Mai: $\frac{3}{10}$ giờ, Việt: $\frac{1}{2}$ giờ, Nam: $\frac{2}{5}$ giờ, Rô-bốt: $\frac{1}{5}$ giờ.



- a) Hỏi bạn nào hoàn thành giải khối ru-bích đầu tiên, bạn nào hoàn thành giải khối ru-bích cuối cùng?
b) Mai hoàn thành giải khối ru-bích trước những bạn nào?

- a) Hỏi bạn nào hoàn thành giải khối ru-bích đầu tiên, bạn nào hoàn thành giải khối ru - bích cuối cùng?
b) Mai hoàn thành giải khối ru - bích trước những bạn nào?

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4

- 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe.
- HS thực hiện thảo luận nhóm 4. Hoàn thành yêu cầu bài tập vào phiếu.

- GV yêu cầu các nhóm nêu kết quả. - GV yêu cầu HS nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương.	$\frac{11}{22} \quad \frac{55}{1010} \quad \frac{22}{55} \quad \frac{44}{1010}$ a) Ta có: $\frac{11}{22} = \frac{55}{1010}$; $\frac{22}{55} = \frac{44}{1010}$; $\frac{11}{55} = \frac{22}{1010}$; $\frac{33}{1010}$ Trong bốn phân số đã cho: phân số bé nhất là $\frac{11}{55}$, phân số lớn nhất là $\frac{44}{1010}$. Vậy Rô - bốt hoàn thành giải khối ru - bích đầu tiên, Việt hoàn thành giải khối cuối cùng. b) Mai hoàn thành giải khối ru - bích trước bạn Nam và Việt. - Đại diện các nhóm nêu kết quả. - HS nhận xét. - Lắng nghe rút kinh nghiệm
4. Vận dụng trải nghiệm. Bài 5. Chọn câu trả lời đúng. 5 Chọn câu trả lời đúng. Phân số thập phân $\frac{317}{100}$ viết thành hỗn số là: A. $1\frac{217}{100}$ B. $2\frac{117}{100}$ C. $3\frac{17}{100}$ D. $31\frac{7}{100}$  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu. - GV mời HS trả lời. - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc cá nhân. - HS trả lời: + Chọn ý c. $3\frac{17}{100}$ $3\frac{17}{100}$ - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Công nghệ:

Bài 9: MÔ HÌNH ĐIỆN MẶT TRỜI (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Tìm hiểu được quy trình các bước làm mô hình điện mặt trời và làm mô hình điện mặt trời bằng sử dụng các vật liệu, dụng cụ đã chọn theo quy trình được hướng dẫn.
- Tự đánh giá và đánh giá được sản phẩm theo các tiêu chí.
- Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.

* Góp phần hình thành và phát triển:

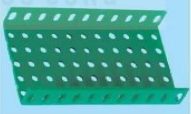
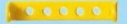
- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên		Hoạt động của học sinh	
1. Khởi động:			
- GV cho hs quan sát mô hình pin mặt trời, đèn led, mô hình đèn mặt trời yêu cầu hs vẽ lại mô hình bằng trí tưởng tượng của mình theo nhóm 4 - GV gọi Hstrình bày - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới: Mô hình điện mặt trời(tiết 2)		- Cả lớp theo dõi, lắng nghe thực hiện theo nhóm - HS trình bày - HS chia sẻ - HS lắng nghe.	
2. Hoạt động khám phá:			
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới. (Làm việc chung cả lớp) - GV yêu cầu Hs đọc SGK và trả lời các câu hỏi - Để lắp mô hình điện mặt trời, cần những chi tiết, vật liệu, dụng cụ nào và số lượng của chúng như sau đây.		- HS làm việc chung cả lớp: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: - Hs quan sát và trả lời - HS quan sát để tìm hiểu về vật liệu, cấu tạo của mô hình điện mặt trời - HS trình bày - HS lắng nghe, ghi nhớ.	

BẢNG CHI TIẾT, VẬT LIỆU VÀ DỤNG CỤ			
STT	Tên gọi	Hình minh họa	Số lượng
1	Tấm lớn		1
2	Thanh chữ U dài		4
3	Thanh chữ U ngắn		1

BẢNG CHI TIẾT, VẬT LIỆU VÀ DỤNG CỤ			
STT	Tên gọi	Hình minh họa	Số lượng
4	Thanh chữ L dài		4
5	Tấm pin mặt trời và dây dẫn điện		1
6	Đèn LED		1
7	Đèn ốc		1
8	Vết ngắn		1
9	Tua vít		1
10	Cờ lê		1
11	Băng dính 2 mặt		1
12	Băng dính điện		1
13	Kéo		1

-GV gọi hs trình bày trước lớp - GV nhận xét Kích thước của từng bộ phận? - GV giới thiệu mô hình điện mặt trời theo mẫu, mời học sinh trả lời trước lớp - Các yêu cầu kĩ thuật của một sản phẩm mô hình điện mặt trời - GV nhận xét chung, tuyên dương và chốt: Yêu cầu sản phẩm: đủ các bộ phận, các bộ phận gắn kết chắc chắn, trang trí đẹp, thẳng bằng được	
Hoạt động 2:T hực hành lắp ghép (sinh hoạt nhóm 4) - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS sinh hoạt nhóm 4, Em hãy lựa chọn các vật liệu, dụng cụ trong Hình 2 để làm chuồn chuồn thẳng bằng và lập bảng theo gợi ý dưới đây - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thực hành - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.	- HS đọc yêu cầu bài. - HS sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và chia sẻ về các vật liệu, dụng cụ dùng để làm mô hình điện mặt trời. - Đại diện các nhóm trình bày kết quả - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - GV mời HS chia sẻ : ? Nhắc lại nội dung bài học hôm nay? ? Hãy nêu cảm nhận về tiết học hôm nay? - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Lịch sử & Địa lí:

BÀI 24: VĂN MINH AI CẬP**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Xác định được vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ
- Tìm hiểu và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập: kim tự tháp, đồng hồ mặt trời,...

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK và giới thiệu: Đây là Kim tự tháp và tượng Nhân sư ở Ghi-da - thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại	- HS lắng nghe. - Cả lớp thi nhau kể:
 Hình 1. Kim tự tháp và tượng Nhân sư ở Ghi-da (Giza)	
GV hỏi: + Công trình kiến trúc này thuộc nền văn minh nào trên thế giới?	+ Công trình này thuộc nền văn minh Ai Cập cổ đại. Kim tự tháp là cách gọi chung của các kiến trúc hình chóp có đáy là hình vuông và bốn mặt bên là tam giác đều. Với mỗi nền văn hóa, Kim tự tháp lại có những đặc điểm và mục đích sử dụng rất riêng. + Với người Ai Cập cổ đại, Kim tự tháp là công trình được xây dựng và sử dụng như một lăng mộ dành cho nhà vua. + Thiên văn học: Họ đã phát minh được rất sớm chiếc đồng hồ đo bóng mặt trời để tính thời gian trong một ngày.

+Em biết thành tựu nào khác của nền văn minh này? +Chia sẻ với bạn những điều em biết về thành tựu đó. - GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi các em đã kể tên được một số công trình kiến trúc của nền văn minh Ai Cập. Thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: “Văn minh Ai Cập”	+Về chữ viết: Cư dân Ai Cập cổ đại viết chữ tượng hình mô phỏng theo vật thật để nói lên ý nghĩ của mình. Họ thường viết trên giấy pa-pi-rút hoặc khắc trên đá.
2. Hoạt động khám phá:	
Hoạt động khám phá a, Vị trí địa lí và một số thành tựu tiêu biểu: - GV yêu cầu hs đọc thông tin, quan sát các hình 1, 2; thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi:  +Vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay? Ai Cập thuộc châu lục nào? Tiếp giáp với những quốc gia, đại dương nào? +Kể tên và mô tả một số thành tựu tiêu biểu?	- HS quan sát các hình và thảo luận +Ai Cập là một quốc gia nằm ở phía Đông Bắc của châu Phi. Đây cũng là quốc gia duy nhất có lãnh thổ trải dài cả 3 châu lục: Âu - Á - Phi, giáp với Địa Trung Hải, Israel, Jordan, Sudan và Libya. + Thời cổ đại, người Ai Cập đã sáng tạo nên một nền văn minh vô cùng rực rỡ với nhiều thành tựu nổi bật + Thành tựu về chữ viết:sáng tạo ra chữ tượng hình từ khoảng hơn 3000 năm TCN.Cung điện, đền thờ và kim tự tháp là các loại hình kiến trúc tiêu biểu nhất

- GV mời HS báo cáo kết quả.

- GV nhận xét, tuyên dương.

b, Kể chuyện về kim tự tháp và pha-rơ-ông

- HS đọc câu chuyện xây dựng kim tự tháp Kê-ốp trong SGK

- HS quan sát hình 3, trong SGK và cho biết em quan sát thấy gì?



▲ Hình 3. Kim tự tháp Kê-ốp

-HS kể chuyện theo gợi ý sau:

+Kim tự tháp có hình dạng thế nào?

+Người ta sử dụng nguyên liệu nào để xây dựng kim tự tháp?

+Người Ai Cập xây dựng kim tự tháp bằng cách nào?

+Việc xây dựng kim tự tháp nhằm mục đích gì?,...

-GV mời đại diện một số nhóm kể lại trước lớp câu chuyện (kết hợp sử dụng tranh ảnh) và nêu cảm nhận về quá trình xây dựng kim tự tháp của người Ai Cập cổ đại.

c. Kể chuyện Nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát

HS đọc câu chuyện Nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát trong SGK

của Ai Cập cổ đại. Nhiều tác phẩm điêu khắc nổi tiếng, ví dụ như: tượng nhân sư; tượng bán thân Nữ hoàng Nê-phéc-ti...

+ Về toán học: sử dụng hệ số thập phân, phép tính cộng và trừ, biết tính diện tích hình tam giác, hình chữ nhật, biết sử dụng số pi (TT) với giá trị 3,14,...+
Thiên văn học: sáng tạo ra kỹ thuật làm lịch dựa trên chu kỳ vận động của Mặt Trời đầu tiên trên thế giới

- HS đọc.

- HS quan sát, thảo luận nhóm

Hình 3. Kim tự tháp Kê-ốp: Đây là một trong 7 kì quan của thế giới cổ đại và là kì quan duy nhất còn tồn tại cho đến ngày nay. Đây được coi là biểu tượng của nền văn minh Ai Cập cổ đại

+ Kim tự tháp có dạng hình khối tam giác.

+Người ta sử dụng khoảng 23 triệu tảng đá.

+Các tảng đá được ghè đẽo theo kích thước định sẵn và xếp chồng khít lên nhau.

+Thể hiện sự sáng tạo của người Ai Cập.

+ Sự bí ẩn và kì diệu của kim tự tháp vẫn đang là một câu hỏi lớn của nhân loại, nhưng sự tồn tại của các kim tự tháp là minh chứng thể hiện sự sáng tạo của người Ai Cập cổ đại và nền văn minh nhân loại.

HS đọc.

- HS quan sát hình 4, trong SGK và cho biết em quan sát thấy gì?  ▲ Hình 4. Chân dung Nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát trên mặt một đồng tiền của Ai Cập. - HS kể chuyện theo gợi ý sau: + Cờ-lê-ô-pát là ai? + Bà là người thế nào? + Bà có đóng góp gì cho đất nước Ai Cập? + Tại sao người Ai Cập lại coi bà như một vị nữ thần của Ai Cập? -GV mời đại diện một số nhóm kể lại trước lớp câu chuyện và nêu cảm nhận của mình về Nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát; - Lớp nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương.	-HS quan sát, thảo luận nhóm Hình 4. Chân dung nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát trên mặt đồng tiền của Ai Cập. Nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát là pha-ra-ông cuối cùng của Ai Cập cổ đại. + Là vị nữ hoàng nổi tiếng thông minh xinh đẹp. + Bà lên ngôi từ lúc 17 tuổi và được dân chúng tôn thờ như 1 vị thần. + Trong thời gian trị vì của mình, bà đã cho xây dựng một đội quân hùng mạnh, một hạm đội các tàu chiến để có thể đương đầu với với đế chế La Mã. + Câu chuyện giúp em hiểu thêm ở xứ sở Ai Cập đã có vị thần đặc biệt Nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát.
3. Hoạt động luyện tập.	
Câu 1. GV tổ chức cho HS thực hiện theo nhóm. các nhóm sưu tầm tư liệu về một thành tựu khác của văn minh Ai Cập từ trước đó. -Dựa vào nguồn tư Liệu sưu tầm được, HS xây dựng nội dung mô tả về thành tựu đó (ở mức độ đơn giản), sau đó giới thiệu trước lớp. GV cần định hướng về cấu trúc nội dung mô tả cho HS có thể thông qua việc trả lời những câu hỏi gợi mở). -GV nhận xét	- HS lắng nghe. - HS thảo luận. - HS trình bày: Thành tựu văn minh khác của Ai Cập theo tư liệu mà em sưu tầm được là thành tựu về chữ viết: + Chữ viết của Ai Cập cổ đại lúc đầu là chữ tượng hình, dần dần về sau xuất hiện những hình vẽ biểu thị âm tiết, sau đó những hình vẽ chỉ âm tiết biến thành chữ cái + Chữ viết của người Ai Cập thường được viết trên đá, gỗ, đồ gốm, vải gai, da... nhưng chất liệu dùng để viết phổ biến nhất là giấy papyrus

Câu 2. HS tùy chọn một thành tựu của văn minh Ai Cập cổ đại mà các em ấn tượng và giải thích được lí do lựa chọn thành tựu đó. -GV nhận xét - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.	- HS lắng nghe. - HS thảo luận. -HS trình bày: +Em ấn tượng nhất với thành tựu văn minh Kim tự tháp của Ai Cập cổ đại +Vì với sự tài hoa, sáng tạo cũng như công sức của hàng nghìn người, kim tự tháp được xây dựng vững chắc và là công trình kiến trúc đồ sộ, trường tồn với thời gian.		
4. Vận dụng trải nghiệm. <table border="1"> <tr> <td data-bbox="180 712 916 976"> - GV mời HS chia sẻ về một số thành tựu của Ai Cập à trong bài chưa nhắc đến mà em biết. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà. </td><td data-bbox="916 712 1505 976"> - Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. </td></tr> </table>		- GV mời HS chia sẻ về một số thành tựu của Ai Cập à trong bài chưa nhắc đến mà em biết. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
- GV mời HS chia sẻ về một số thành tựu của Ai Cập à trong bài chưa nhắc đến mà em biết. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.		

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

BUỔI CHIỀU:

Giáo dục thể chất:

ĐỘNG TÁC HAI BƯỚC NÉM RỔ BẰNG MỘT TAY TRÊN VAI. (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Thực hiện được động tác hai bước ném rổ bằng một tay trên vai trong môn Bóng rổ.
 - Bước đầu vận dụng được động tác hai bước ném rổ bằng một tay trên vai vào trong các hoạt động tập thể, tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu.
 - Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.
 - Hoàn thành lượng vận động của bài tập.
 - Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện, tự giác, dũng cảm, thường xuyên tập luyện TDTT.
- * Góp phần hình thành và phát triển:**
- Năng lực: Tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; chăm sóc SK; vận động cơ bản thể dục thể thao;...
 - Phẩm chất: Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

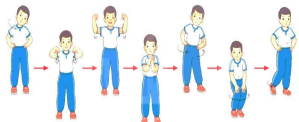
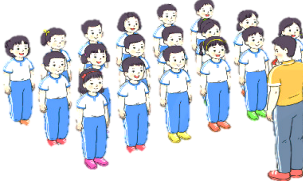
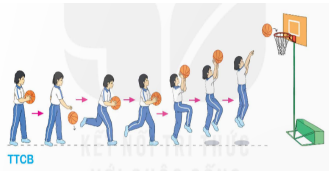
- + Đối với giáo viên: Kể vẽ sân tập theo nội dung của bài học. Còi, cờ, tranh ảnh, băng đĩa hình, dụng cụ luyện tập.
- + Đối với học sinh chuẩn bị: Giày thể thao, trang phục thể thao, đảm bảo vệ sinh và an toàn trong tập luyện.

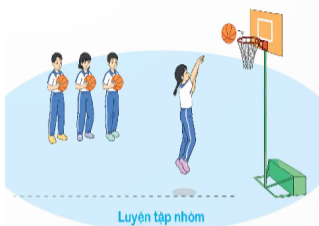
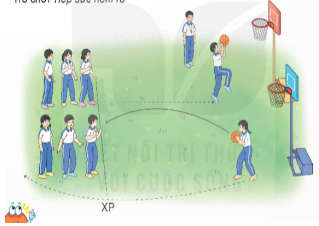
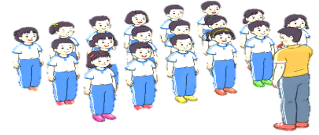
III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học chính: sử dụng lời nói, trực quan (tranh, ảnh, làm mẫu), tập luyện, trò chơi và thi đấu.
- Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt (tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp, tổ chức và yêu cầu	
		Hoạt động GV	Hoạt động HS
I. Hoạt động mở đầu	5-7'		
1. Nhận lớp: - Kiểm tra vệ sinh sân tập, trang phục tập luyện, sức khỏe của HS - Phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học		Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học	Đội hình nhận lớp  - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. - Hs lắng nghe, nắm nội dung bài học

2. Khởi động: - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... (theo nhạc) - Tập bài TDPTC với gậy (Theo nhạc)	2Lx8N 2Lx8N	- GV quan sát, nhắc học sinh tập đúng biên độ, nhịp hô.	Đội hình khởi động   - HS khởi động theo sự điều khiển của cán sự.
3. Trò chơi bổ trợ khởi động: - Trò chơi “Làm theo hiệu lệnh” (Theo nhạc) - Kiểm tra bài cũ	2-3 lần	- GV nêu tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, sau đó GV tổ chức cho cả lớp chơi. - Gọi 1-2 em học sinh lên thực hiện - GV cùng HS quan sát và nhận xét, đánh giá.	Đội hình trò chơi  - HS chú ý nắm luật chơi, tích cực, chủ động tham gia trò chơi - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
II. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	5-7'		
1. Khám phá 2. Hình thành động tác mới: * Ôn động tác: Hai bước ném rổ bằng một tay trên vai. 		- GV nêu những lỗi sai thường mắc và cách khắc phục cho HS khi thực hiện động tác.	 - HS lắng nghe
3. Trải nghiệm các động tác của bài tập		- GV gọi 3-5 HS thực hiện bài tập 1-2 lần - GV điều khiển cho HS tập	Luyện tập  Luyện tập cá nhân - HS chú ý, tích cực tập luyện

III. Hoạt động luyện tập:	15-16'		
1. Tập theo tổ nhóm	3-4 lần	- GV giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, phân luyện tập theo khu vực. - Quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS	ĐH tập luyện theo tổ  - Hs thực hiện theo điều khiển của tổ trưởng. - HS quan sát và nhận xét lẫn nhau, giúp đỡ bạn tập chưa tốt.
2. Thi đua giữa các tổ		- GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. - GV nhận xét đánh giá tuyên dương.	- Từng tổ lên thi đua - trình diễn - Hs nhận xét tổ bạn.
3. Trò chơi vận động: * Trò chơi: “Tiếp sức ném rổ”	1-2 lần	- GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, luật chơi. - Tổ chức cho HS chơi thử sau đó chơi chính thức, có thi đua. <i>Chú ý: GV nhắc HS đảm bảo an toàn trong khi chơi.</i>	ĐH chơi trò chơi  - Hs chơi theo hướng dẫn của Gv - HS tích cực tham gia chơi trò chơi vận động.
IV. Hoạt động vận dụng	4-5'		
1. Hồi tĩnh: - Thả lỏng cơ toàn thân (Theo nhạc). 2. Vận dụng:		- GV điều hành lớp thả lỏng cơ toàn thân - GV nêu câu hỏi vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống	Đội hình hồi tĩnh  - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên - HS trả lời câu hỏi vận dụng vào thực tế đời sống

			Vận dụng: Qua bài học, HS vận dụng bài tập thể dục vào buổi sáng, để rèn luyện sức khỏe, và chơi trò chơi cùng các bạn trong giờ ra chơi.
3. Nhận xét và hướng dẫn tự tập luyện ở nhà: - Ưu điểm; Hạn chế cần khắc phục - Hướng dẫn tập luyện ở nhà		- GV nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS, đồng thời đưa ra hướng khắc phục hoặc trả lời câu hỏi của HS. - HD học sinh tập ở nhà.	- HS lắng nghe để khắc phục Đội hình kết thúc 
4. Xuống lớp			- HS đi theo hàng về lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Khoa học:

BÀI 28: CHỨC NĂNG CỦA MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI SINH VẬT (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Trình bày được các chức năng cơ bản của môi trường đối với sinh vật nói chung và con người nói riêng:
- Cung cấp chỗ ở thức ăn và những nhu cầu sống thiết yếu khác.
- Nơi chứa đựng các chất thải do con người và sinh hoạt tạo ra trong quá trình sống.
- Bảo vệ con người và sinh vật khỏi những tác động từ bên ngoài.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

-GV tổ chức trò chơi “ Giải cứu rừng xanh”

-Cách chơi:

+ GV đưa một bức tranh cháy rừng ở Ôt- xtrây-li-a/ Việt Nam chia làm 3 phần tương ứng với 3 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng thì một ô sẽ được thay bằng hình ảnh rừng cây xanh tốt.

+ Nếu tầng ozone bị thủng, điều gì sẽ xảy ra?

+ Nếu như rừng bị cháy, các loài thú rừng sẽ ra sao?

+ Vì sao một số vùng ven biển nước ta lại trồng rừng ngập mặn?

GV nhận xét, khen ngợi và dẫn dắt vào bài mới: Để sống và phát triển được không chỉ con người mà tất cả các loài sinh vật trên trái đất đều phải lấy nhiều yếu tố từ môi trường xung quanh. Vậy môi trường là gì? Nó gồm những yếu tố nào Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Chức năng của môi trường đối với sinh vật tiết 3”.

-HS lắng nghe cách chơi

- HS thi đua trả lời

- Tia cực tím sẽ gây hại cho con người và các loài sinh vật.

- Các loài thú có thể bị mất đồ, mất hang, thiếu thức ăn bị chết cháy,...

- Để chắn sóng biển và bảo vệ bờ biển.

2. Hoạt động khám phá:

*Hoạt động khám phá 1.

- GV gọi HS đọc khung thông tin trang 102 và trả lời câu hỏi

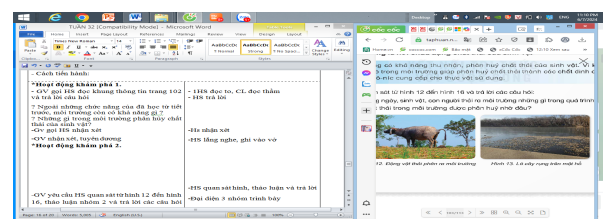
? Ngoài những chức năng của đã học từ tiết trước, môi trường còn có khả năng gì ?

? Những gì trong môi trường phân hủy chất thải của sinh vật?

-Gv gọi HS nhận xét

-GV nhận xét, tuyên dương

*Hoạt động khám phá 2.



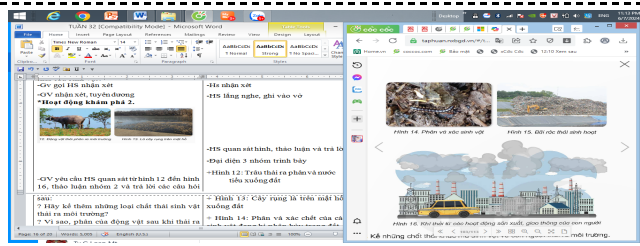
- 1HS đọc to, cả lớp đọc thầm

- HS trả lời

-Hs nhận xét

-HS lắng nghe, ghi vào vở

-HS quan sát hình, thảo luận và trả lời



-GV yêu cầu HS quan sát từ hình 12 đến hình 16, thảo luận nhóm 2 và trả lời các câu hỏi sau:

? Hãy kể thêm những loại chất thải sinh vật thải ra môi trường?

? Vì sao, phân của động vật sau khi thải ra môi trường sẽ dần mất đi theo thời gian?

? Vì sao sau khi rất nhiều năm nhưng mặt hồ chỉ có một ít lá cây rụng?

- GV nhận xét

? Những hoạt động nào của con người có thể tạo ra khí thải gây ô nhiễm môi trường?

? Khí thải có thể gây ô nhiễm những môi trường nào (đất, nước, không khí)?

? Vì sao ống khói của các nhà máy rất cao nhưng khí thải vẫn gây hại đối với sức khỏe của sinh vật, con người?

? Chất thải đó được phân hủy nhờ đâu?

? Sản phẩm của sự phân hủy đó là gì?

? Sinh vật nào sử dụng được những sản phẩm đó?

-GV nhận xét, đưa ra kết luận: Môi trường có khả năng thu nhận, phân hủy chất thải của sinh vật. Vi khuẩn, nấm,... có trong môi trường giúp phân hủy chất thải thành các chất dinh dưỡng, khí các - bô - nic cung cấp cho thực vật sử dụng.

-Đại diện 3 nhóm trình bày

+Hình 12: Trâu thải ra phân và nước tiểu xuống đất

+ Hình 13: Cây rụng lá trên mặt hồ, xuống đất

+ Hình 14: Phân và xác chết của các sinh vật đang bị phân hủy trong đất

+ Hình 15 Bãi rác thải sinh hoạt của con người.

+ Hình 16: Khí thải từ các hoạt động sản xuất giao thông xả vào môi trường không khí.

-HS nhận xét, bổ sung

-HS trả lời

-Hoạt động tạo ra khí thải :đốt lò, đốt rác thải, khai thác than, chạy xe máy, ô tô.

- Khí thải làm ô nhiễm môi trường không khí, sau đó là môi trường đất, môi trường nước.

-Vì vẫn giảm khí thải vào môi trường không khí theo nước mưa, các chất thải độc hại tiếp tục ngấm vào đất, nước, gây hại đối với sức khỏe của sinh vật và con người.

-Các chất thải được phân hủy nhờ vi khuẩn và nấm có trong môi trường .

-Chất mùn, khoáng và khí các - bô - nic

-Thực vật sử dụng.

-HS nhận xét

-HS lắng nghe, ghi vở

*Hoạt động khám phá 3. -GV cho HS thảo luận nhóm 4 và sử dụng kĩ thuật 3 lần 3 và viết ra giấy: - 3 loại rác thải của con người giống như sinh vật khác? - 3 loại rác thải từ hoạt động sản xuất, giao thông. - 3 loại rác thải từ sinh hoạt tại gia đình -GV gọi HS lên trình bày -GV nhận xét , tuyên dương ? Giống như các loài sinh vật khác, con người thải ra môi trường những gì? ? Ngoài ra, con người còn thải ra những gì nữa từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt hằng ngày của mình? -GV nhận xét, kết luận: Trong quá trình hoạt động sống, sinh vật thường xuyên bài tiết chất thải như phân, nước tiểu, mồ hôi hoặc cơ thể sinh vật sau khi chết ra môi trường. Chất thải của sinh vật sau đó được vi sinh vật phân hủy thành những chất đơn giản, quay lại cung cấp cho các loài thực vật sử dụng.	-HS bàn bạc ghi vào phiếu thảo luận - Đại diện nhóm lên trình bày -Hs trả lời -HS lắng nghe, ghi vở
3. Hoạt động luyện tập. -Gv đưa 1 số tranh về sự phân hủy các chất thải của sinh vật về ô nhiễm môi trường do rác thải của con người ? Nếu môi trường không có chức năng chứa đựng chất thải, điều gì sẽ xảy ra với sinh vật và con người? ? Em có nhận xét gì về lượng rác mà con người thải ra hằng ngày? ? Loại rác thải phổ biến nào là loại gây hại cho môi trường nhất?	-HS quan sát -Trái Đất sẽ bị bao phủ bởi phân và xác của sinh vật dẫn đến nhiều loài sẽ biến mất do ô nhiễm môi trường. -Lượng rác thải quá lớn và gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe con người,... -Rác thải nhựa mất nhiều thời gian để phân hủy, gây ô nhiễm môi trường nặng nề,.... -HS nhận xét -HS lắng nghe, ghi nhớ

-GV nhận xét, kết luận: Vai trò chứa đựng chất thải từ sinh vật và con người của môi trường là vô cùng quan trọng, giúp cho sự sống trên Trái Đất được tiếp tục và bảo vệ con người cũng như các loài sinh vật khỏi sự diệt vong.	
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV đưa ra một số nội dung cơ bản về chức năng của môi trường như : cung cấp thức ăn, nơi ở, không khí, ánh sáng, chứa đựng rác thải,... -GV yêu cầu HS làm việc theo tổ cùng các bạn lựa chọn nội dung để lập kế hoạch tìm kiếm thông tin -GV đưa ra một số gợi ý -Gv nhận xét, tuyên dương - Nhận xét sau tiết dạy. - Dẫn dò về nhà: Đọc mục em đã học và em có thể.	- HS lắng nghe hướng dẫn - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. -Hs làm việc theo nhóm -Hs làm theo gợi ý -Đại diện nhóm lên trình bày

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Luyện Toán:

ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Củng cố giải toán cộng trừ nhân chia
- Nhận biết được giải toán liên quan đến các phép tính cộng trừ nhân chia

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. HĐ khởi động:(3-5') - GV tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ - GV Nhận xét, tuyên dương. 2. HĐ Luyện tập, thực hành.	- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa)

Hoạt động 1: - GV giao BT cho HS làm - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: Bài 1. Tính a) $93\,587 - 19\,053 =$ b) $285,72 - 15,9 =$ c) $\frac{2}{3} + \frac{7}{10} = \frac{2}{3} + \frac{7}{10} =$ d) $874,15 + 39,87 =$? Bài yêu cầu gì? GV yêu cầu HS nêu trước lớp - Để làm được bài này em thực hiện như thế nào? - GV Nhận xét, tuyên dương. □ Củng cố: cách cộng trừ nhân chia phân số, số tự nhiên, số thập phân Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện. a) $78\,020 - 30\,800 + 780$ b) $(280,12 + 469,25) - 10,12$ c) $\frac{1}{5} + \frac{2}{3} + \frac{4}{5} - \frac{1}{3}$ d) $\frac{3}{7} + \frac{2}{3} - \frac{6}{14} - \frac{4}{6}$? Bài yêu cầu gì? - Nhìn đọc cách làm, tính kết quả GV yêu cầu HS nêu trước lớp - Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau. - Để làm được bài này em thực hiện như thế nào? - GV chấm 1 số bài, Nhận xét, tuyên dương. □ Củng cố: cách vận dụng tính chất của các phép tính để tính nhanh giá trị biểu thức Bài 3. Nguyên và Khôi là hai bạn học cùng trường. Đường đi đến trường của Khôi phải đi qua nhà Nguyên. Biết quãng đường	- HS lắng nghe. -Hs làm bài - Hs trả lời cách bước thực hiện tính làm vở.Hay bảng và chia sẻ trước lớp - HS đọc trước lớp.Học sinh đổi vở soát nhận xét - HS đọc thầm, nêu yêu cầu đề, làm vở cá nhân - HS làm bài vào vở,đổi vở soát chia sẻ trước lớp
---	--

- Giới thiệu được một di tích lịch sử, biết vừa nghe, vừa ghi những nội dung quan trọng từ lời giới thiệu của bạn.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...

- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

- Phát triển năng lực số:

1.1.CB2.a. Xác định được nhu cầu thông tin cần tìm của mình.

1.1.CB2.b. Tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua cách tìm kiếm đơn giản trong môi trường kỹ thuật số.

1.1.CB2.c. Biết cách truy cập dữ liệu, thông tin, nội dung và điều hướng giữa chúng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

+ HS tìm hiểu và nói được về một di tích lịch sử, và ghi những nội dung quan trọng về di tích lịch sử đó để giới thiệu cho bạn..

* Lưu ý:

- Chọn lọc câu chuyện, tranh ảnh từ các trang web chính thống.

- Thông qua thiết bị số tìm kiếm các câu chuyện, bài báo, bài thơ, tranh ảnh theo yêu cầu của bài.

- Hs hiểu, trao đổi nội dung câu chuyện, đưa ra ý kiến cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV giới thiệu “du lịch qua màn ảnh nhỏ” để khởi động bài học. - GV chiếu vài vi deo về cảnh đẹp đất nước + Các em vừa thăm thú cảnh đẹp nào ở đâu? + Các bạn còn biết và được đi thăm những cảnh đẹp nào khác nữa? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nêu câu hỏi để dẫn dắt vào bài mới: Đất nước Việt Nam ta rừng vàng biển bạc, với nhiều danh lam thắng cảnh trù phú, con người cần cù yêu lao động, hiền hoà mến khách, giàu lòng yêu nước anh hùng trong cuộc chiến xây dựng và bảo vệ đất nước. Bài học hôm nay chúng ta nói và nghe: Di tích lịch sử của đất nước ta nhé.	- HS theo dõi chia sẻ - HS lắng nghe.
2. Luyện tập.	
1. Chuẩn bị- trình bày: Giới thiệu về 1 di tích lịch sử mà em biết.	- HS lắng nghe cách thực hiện.

- GV hướng dẫn học sinh hiểu thế nào là di tích lịch sử: là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học.

+ HD HS đó tự chọn di tích để giới thiệu trước lớp: khuyến khích tự chọn ngoài hoặc theo gợi ý sách giáo khoa

– Lựa chọn một di tích lịch sử để giới thiệu.

Ví dụ:

+ Thành Cổ Loa (Hà Nội)

+ Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

+ Quần thể di tích Cố đô Huế

+ Bến Nhà Rồng (Thành phố Hồ Chí Minh)

– Tìm đọc tư liệu về di tích lịch sử đã chọn để giới thiệu.

– Chuẩn bị nội dung cho bài giới thiệu.

G:

+ Di tích lịch sử em chọn giới thiệu tên là gì, ở đâu?

+ Di tích đó được xây dựng khi nào?

+ Cảnh quan của di tích đó có gì đặc biệt?

+ Các công trình ở đó gắn với sự kiện lịch sử, văn hoá nào?

*** Trình bày: có thể dưới dạng trò chơi: “Hướng dẫn viên du lịch nhí” hay “Phóng viên nhí”**

-GV chiếu video về danh lam thắng cảnh đó
- GV mời học sinh làm việc cá nhân, mỗi HS tự viết ra giấy giới thiệu hay đọc trước lớp.

Ví dụ theo mẫu giới thiệu về Văn miếu Quốc Tử Giám



+ 1 HS lên đứng trước lớp và tự giới thiệu về mình. Giới thiệu về một số điểm nổi bật của bản thân (học giỏi, tự tin, hát hay, chơi thể thao,...)

- HS làm việc cá nhân, ghi vào giấy 3 điểm nổi bật của mình và đọc trước lớp theo yêu cầu của giáo viên.

Ví dụ: – Em lựa chọn di tích lịch sử Tháp Rùa hồ Hoàn Kiếm.

– Em đã tìm đọc các tư liệu về lịch sử và nắm được các thông tin liên quan đến di tích lịch sử này: Thời nước Nam ta bị giặc Minh xâm lược, ở vùng Lam Sơn nghĩa quân nổi dậy chống xâm lược nhưng không thành. Đức Long quân quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần. Phần lưỡi gươm do người đánh cá Lê Thận nhặt được rồi chàng gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn. Còn Lê Lợi nhặt được chuôi gươm nạm ngọc. Từ đó nhuệ khí của nghĩa quân lên cao. Gươm thần tung hoành khắp trận địa. Gươm thần giúp họ mở đường đánh tràn ra mãi cho đến khi không còn bóng quân thù. Khi Lê Lợi đã lên làm vua, Rùa Vàng ngoi lên đòi lại thanh gươm thần trên hồ Tả Vọng. Từ đó lấy tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

– Em chuẩn bị giới thiệu: Di tích lịch sử em chọn giới thiệu có tên là di tích lịch sử Tháp Rùa hồ Hoàn Kiếm, nằm ở giữa Hồ Hoàn Kiếm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Di tích này được xây dựng vào thời khi Pháp chiếm thành Hà Nội, Nguyễn Ngọc Kim là một tên tay sai của thực dân Pháp mê tín, cho xây dựng Tháp Rùa năm 1886. Tháp nằm toạ lạc giữa hồ, có lối kiến trúc kết hợp Đông Tây

- Cả lớp nhận xét, phát biểu.
- GV nhận xét, tuyên dương.

hoàn hảo. Hai tầng dưới trổ các cửa kiêu cửa vòm của nhà thờ phương Tây, tầng trên cùng làm mái kiêu truyền thống với đầu đao và lưỡng long trầu nhật. Từ năm 1888, Tháp Rùa bị phá huỷ và xây dựng lại, chính thức khánh thành vào năm 1892. Công trình này gắn với sự kiện lịch sử tích truyền lại rằng vua Lê Lợi mượn gương thần của Đức Long quân, dẹp loạn thành công, Rùa Vàng ngoi lên đòi lại thanh gương thần trên hồ Tả Vọng. Từ đó lấy tên là Hồ Gươm hay Hồ Hoàn Kiếm.

- HS nhận xét bạn mình.
- Lắng nghe rút kinh nghiệm.

2. Trao đổi, góp ý

- GV mời cả lớp thảo luận nhóm 4 thực hiện các yêu cầu sau:

Người nói	Người nghe
– Giới thiệu được đầy đủ và rõ ràng về di tích đã chọn không? – Trả lời câu hỏi của người nghe có thuyết phục không? – Giọng nói, điệu bộ, cử chỉ có phù hợp không? –	– Có chăm chú lắng nghe người trình bày không? – Có tích cực đặt câu hỏi để hiểu rõ về di tích không? – Có thái độ lịch sự khi trao đổi không? –

- GV mời các nhóm trình bày.
- GV mời các nhóm khác nhận xét.
- Bình chọn nhóm- bạn – trình bày hay nhất
- Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương bạn giới thiệu có cử chỉ, biểu cảm và giọng kể hay phù hợp ...

- HS thảo luận nhóm 4. Trao đổi và thực hiện yêu cầu.
- Nhóm trưởng tổng hợp kết quả thảo luận.

- Đại diện các nhóm trình bày.
- Các nhóm nhận xét.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- GV tổ chức vận dụng
- + GV cho HS giới thiệu di tích lịch sử với người thân
- + Mời các nhóm thực hiện đóng vai trình bày.
- + GV nhận xét chung, trao thưởng.
- + Giới thiệu mình học được gì sau chủ điểm
- GV nhận xét tiết dạy.

- HS chia sẻ bài giới thiệu của mình ở lớp với người thân
- Các nhóm tham vận dụng.

- Dẫn dò bài về nhà sưu tầm tranh ảnh và tập giới thiệu về các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của nước ta	- Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét bạn nào giới thiệu hay, hình ảnh sẽ được chọn giải nhất, nhì, ba, ... - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

BÀI 68: ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN, PHÂN SỐ, SỐ THẬP PHÂN (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS đọc, viết được số thập phân.
- HS viết được phân số, tỉ số phần trăm thành số thập phân và ngược lại.
- HS thực hiện được việc so sánh, xếp thứ tự các số thập phân.
- HS vận dụng được viết tỉ số phần trăm, số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; mô hình hóa toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo giao tiếp và hợp tác;...
 - Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức chơi trò chơi - Cách chơi: Chia lớp thành 6 nhóm thực hiện đổ nhau kể ra các số thập phân, xác định phần nguyên, phần thập phân, giá trị theo hàng của các chữ số trong số thập phân đó. Đội nào đổ được nhiều nhất và trả lời được các câu hỏi của nhóm bạn nhiều nhất là đội chiến thắng. - GV ghi kết quả của các nhóm lên bảng, nhận xét tuyên dương các nhóm. - Dẫn dắt vào bài mới.	- HS tham gia chơi trò chơi. - Lắng nghe cách chơi - Lắng nghe
2. Hoạt động thực hành	
Bài 1. Viết các số sau thành số thập phân. Đọc các số thập phân đó.	

$\frac{31}{10}, \frac{75}{100}, \frac{489}{100}, \frac{6\ 024}{1\ 000}$ - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - GV yêu cầu HS nêu cách thực hiện nhóm đôi ghi kết quả ra nháp và đọc cho nhau nghe. - GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - HS thực hiện $\frac{31}{10} = 3,1$ Đọc là: ba phẩy một. $\frac{75}{100} = 0,75$ Đọc là: không phẩy bảy mươi lăm. $\frac{489}{100} = 4,89$ Đọc là: bốn phẩy tám mươi chín. $\frac{6024}{1000} = 6,024$ Đọc là: sáu phẩy không trăm hai mươi tư - Đại diện các nhóm trả lời. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
Bài 2. Viết các số sau dưới dạng số thập phân. $\frac{21}{30}, \frac{62}{200}, \frac{7}{4}, \frac{5}{8}$ - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi - GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 2. - HS làm việc theo nhóm đôi $\frac{21}{30} = 0,7; \quad \frac{62}{200} = 0,31; \quad \frac{7}{4} = 1,75; \quad \frac{5}{8} = 0,625$ - Đại diện các nhóm trả lời. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
Bài 3. > , < , = ?	- 1 HS đọc yêu cầu bài 3, cả lớp lắng nghe.

16,7 ? 16,07 85,79 ? 85,8 9,80 ? 9,8 7,360 ? 7,36 0,830 ? 0,829 28,999 ? 29,001 - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân vào vở - GV mời HS trả lời. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS làm việc cá nhân $6,7 > 16,07$ $7,360 = 7,36$ 0, $85,79 < 85,8$ $830 > 0,829$ $9,80 = 9,8$ $28,999 < 29,001$ - HS trả lời - HS khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe sửa sai (nếu có).
Bài 4. Dưới đây là số đo diện tích các căn hộ hai phòng ngủ của một tòa chung cư: 71,5 m²; 69,83 m²; 71,09 m²; 68,93 m². Viết các số đo diện tích trên theo thứ tự từ bé đến lớn. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4. - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi - GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 4, cả lớp lắng nghe. - HS làm việc nhóm. Viết các số vào nháp Các số đo diện tích theo thứ tự từ bé đến lớn là: 68,93 m²; 69,83 m²; 71,09 m²; 71,5 m². - Đại diện các nhóm trả lời. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe sửa sai (nếu có).
4. Vận dụng trải nghiệm. Bài 5. a) Sản lượng cá đánh bắt được của công ty Thành Long trong tháng Ba gấp rưỡi tháng Hai. Vậy sản lượng cá đánh bắt được của công ty Thành Long trong tháng Ba bằng ? % tháng Hai. b) Sản lượng cá đánh bắt được của công ty Thành Long trong tháng Tư bằng 60% tháng Ba. Vậy sản lượng cá đánh bắt được	

của công ty Thành Long trong tháng Tư bằng % tháng Ba.



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 5.
- GV yêu cầu HS suy nghĩ nêu câu trả lời

- GV nhận xét tiết học.
- Dặn dò bài về nhà.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 5. Cả lớp lắng nghe.
- HS thực hiện
 - a) Sản lượng cá đánh bắt được của công ty Thành Long trong tháng Ba bằng **150%** tháng Hai.
 - b) Sản lượng cá đánh bắt được của công ty Thành Long trong tháng Tư bằng **0,6%** tháng Ba.
- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Hoạt động trải nghiệm:

SINH HOẠT LỚP:

MỖI HÀNH ĐỘNG - MỘT CHIẾC LÁ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học sinh báo cáo được kết quả vận động người thân và hàng xóm của mình.
- Chia sẻ những hành động đã thực hiện để bảo vệ môi trường.
- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
 - Phẩm chất: yêu nước; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ HỌC LIỆU

- GV và HS chuẩn bị các tấm bìa các-tông, bìa màu, bút màu,...
- Các đồ dùng dạy học, thiết bị có liên quan,...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

- GV hướng dẫn cả lớp cùng sáng tạo một điệu nhảy minh họa hoạt động quét dọn vệ sinh nơi công cộng. - Khi quét dọn cần có những hoạt động nào? - Mời một vài Hs minh họa các hoạt động bằng hành động cho điệu nhảy. + Lấy chổi ra quét + Vun lại thành đồng + Hót rác đưa về nơi tập kết + Đốt rác. - GV cùng hs thực hiện điệu nhảy - GV Các em rất sáng tạo trong từng điệu nhảy. Chứng tỏ các em rất có ý thức và chăm chỉ trong công tác vệ sinh. Xem lớp mình đã làm được những việc gì để bảo vệ môi trường nơi các em sinh sống. Cô cùng các em tìm hiểu tiết học hôm nay: Mỗi chiếc lá- Một hành động.	- HS quan sát và lắng nghe về sáng tạo điệu nhảy. + Quét, vun đồng, hót, đổ vào thùng rác, đốt rác... - HS thể hiện động tác minh họa - Thống nhất động tác phù hợp. - HS lắng nghe.
2. Sinh hoạt cuối tuần: * Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ) - GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nền nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung. - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần) * Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)	- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - 1 HS nêu lại nội dung.

- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nề nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào. - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý. - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.	- Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch động tuần tới. - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. - Một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.
3. Sinh hoạt chủ đề. Hoạt động 3: Báo cáo kết quả vận động người thân, hàng xóm tham gia hoạt động công ích. - GV mời HS nêu cách thức vận động - Khi vận động : + Những ai thường đồng tình tham gia? + Những ai còn phân vân? Thường có ý kiến gì? + Những ai phản đối? Thường có ý kiến gì? + Cần thuyết phục mọi người thế nào để mọi người cùng tham gia?	
	- Hs nêu: + Trò chuyện, thuyết phục, dán tờ thông báo ở bảng tin, gửi tin nhắn bình chọn trong nhóm zalo... - HS chia sẻ + Đồng tình: Thường là người thân, người có lợi nhất sau khi vệ sinh... rất đồng tình với kế hoạch, đưa ra các phương án để buổi lao động có hiệu quả cao. + Bạn bè , các em nhỏ tuổi hơn... Thường không đưa ra ý kiến, cảm thấy chưa cần thiết.. + Bạn đi làm cả ngày, Thiếu trách nhiệm... Thường lấy lý do không phải việc của mình đó là việc của môi trường, bận việc cá nhân... - Hs trả lời cần thuyết phục qua các bước như: + Trình bày thực trạng môi trường , hậu quả bị ô nhiễm. + Những lợi ích khi thực hiện hoạt động lao động công ích bảo vệ môi trường. + Trao đổi kế hoạch buổi lao động. Thống nhất kế hoạch và thực hiện kế hoạch.

- YC Hs nêu kết quả vận động: Số người tham gia. Số người đồng ý tham gia thường xuyên...

- GV khen ngợi những chia sẻ hay và mang lại hiệu quả cao. Lưu ý: *Ngữ điệu khi vận động vui vẻ, hoà nhã. Trong hoạt động lao động bản thân luôn là người chủ động, tích cực tham gia. Để có môi trường sống xanh -sạch-đẹp chúng ta cần bảo vệ môi trường. Các con đã, đang và sẽ làm gì để bảo vệ môi trường. Cô và các con chuyển sang hoạt động tiếp theo.*

Hoạt động 4: Tạo hình khu vườn xanh

- Cho hs hoạt động nhóm theo yêu cầu:

+ Lấy các tấm bìa có vẽ hoặc là gắn các thân cành cây, các chiếc lá bằng bìa đã chuẩn bị trước.

+ Yêu cầu HS ghi trên mỗi chiếc lá một hành động mà mình hoặc các bạn trong nhóm đã làm đang làm và sẽ làm để bảo vệ môi trường, sau đó gắn những chiếc lá lên cây của nhóm mình.

- GV tổ chức cho hs hoạt động nhóm

- *Kết Luận: Trước mắt chúng ta là một rừng cây, cây càng nhiều lá thì càng xanh tốt, phát triển. Mỗi hành động của chúng ta sẽ làm cho rừng cây xanh tốt hơn. Tương tự, nếu chúng ta tham gia nhiều hành động bảo vệ môi trường thì trái đất của chúng ta sẽ xanh hơn.*

5. Vận dụng trải nghiệm.

- GV yêu cầu hs đánh giá cuối chủ đề theo tiêu chí trong sách giáo khoa.

- Yc hs giơ tay theo số bông hoa đánh giá kết hợp nhận xét tuyên dương.

- Nêu cảm nhận của bạn sau khi mình phải chủ đề: **TỰ HÀO QUÊ HƯƠNG EM**

- Hs nêu theo tình hình thực tế

- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- Hs tạo nhóm, lắng nghe nhiệm vụ



- Hs hđ nhóm theo yêu cầu của gv.

- Các nhóm gắn cây của mình gần nhau tạo thành “Rừng cây xanh”

- Hs ngắm sản phẩm của mình. Chia sẻ cảm nhận:

+ Rừng cây xanh đẹp.

+ Cây có nhiều lá, cây càng cao lớn...

- Hs tự đánh giá

- Học sinh giơ tay theo số lượng hoa đã đánh giá.

- Hs chia sẻ cảm nhận:

+ Em yêu quê hương mình.

- Kết luận chủ đề: <i>Quê hương luôn là nơi gắn bó và đặc biệt trong trái tim của mỗi người. Mỗi cảnh quan đều gắn liền với kỷ niệm, nâng bước cho chúng ta hướng về tương lai. Vì thế mà mỗi cá nhân cần thể hiện lòng tự hào về quê hương qua những hành động nhỏ trong việc bảo tồn thiên nhiên , bảo vệ cảnh quan môi trường nơi mình sinh sống.</i> - Dẫn dò về nhà thực hiện lao động công ích theo kế hoạch. Chụp ảnh buổi lao động công ích trước và sau khi thực hiện. Nhận xét tiết học, chuẩn bài nghề nghiệp em thích.	+ Em cần giữ vệ sinh môi trường để quê hương ngày càng đẹp hơn +.... - HS lắng nghe.
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

.....

Ký duyệt:

Giáo viên thực hiện: